



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017



MỤC LỤC

1	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	4
	1. Thông tin khái quát về công ty	6
	2. Ngành nghề kinh doanh	7
	3. 50 năm hình thành và phát triển	8
	4. Định hướng phát triển	10
	5. Rủi ro kinh doanh	13
	6. Sự kiện năm 2017	16
	7. Danh hiệu, Giải thưởng tiêu biểu	18
	8. Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức	20
	9. Giới thiệu Ban lãnh đạo	22
2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017	15
	1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2017	31
	2. Tổ chức và nhân sự	35
	3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	36
	4. Tình hình tài chính	36
	5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư Chủ sở hữu	37
3	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	39
	1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty	41
	2. Tình hình tài sản	42
	3. Tình hình năm 2018 và triển vọng phát triển của Công ty	44
4	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	46
	1. Đánh giá hoạt động của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017	48
	2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành	49
	3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	53
5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	50
	1. Thành viên Hội đồng quản trị	52
	2. Thành viên Ban kiểm soát	54
	3. Giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan	54
	4. Tăng cường quản trị công ty	55
6	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	56
	1. Tiêu thụ năng lượng	58
	2. Bảo vệ môi trường	58
	3. Chính sách liên quan đến người lao động	59
7	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017	62



GIỚI THIỆU CHUNG

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

Chuẩn hóa và củng cố mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để FUTUI trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong nước về cung cấp linh kiện phụ tùng, tiếp tục khẳng định thương hiệu FUTUI để vươn ra thị trường khu vực và quốc tế

Tăng cường hơn nữa uy tín và khả năng cạnh tranh, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng và đủ điều kiện tham gia cung cấp sản phẩm cho các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước

01 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát về công ty
Ngành nghề kinh doanh
50 năm hình thành và phát triển
Định hướng phát triển
Rủi ro kinh doanh
Sự kiện năm 2017
Danh hiệu, Giải thưởng tiêu biểu
Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Ban lãnh đạo



THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

TÊN GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 4600358468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/7/2015

Vốn điều lệ 70.798.530.000

Vốn đầu tư của chủ sở hữu 70.798.530.000

Địa chỉ trụ sở chính Đường 3/2, tổ 10, Phường Mỏ Chè, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Số điện thoại 02083862396

Số fax 02083862316

Website www.futu1.com.vn

Mã cổ phiếu FT1

Logo



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng máy động lực và máy nông nghiệp.
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, điện máy.
- Sản xuất phụ tùng, lắp ráp, sửa chữa ô tô, xe máy.
- Lắp đặt và chuyển giao dây chuyên công nghệ.
- Xây dựng và lắp đặt hệ thống cung cấp điện lưới 35KV.



Tay biên cày gạt

SẢN PHẨM KINH DOANH CHÍNH



Phụ tùng ô tô



Đĩa xích các loại

Linh kiện phụ tùng ô tô:

Sản phẩm sản xuất từ vật liệu Gang, thép, dùng trong bộ phận động cơ ô tô



Bích nối



Gối đỡ bi cầu



Linh kiện xe máy

Phụ tùng cơ khí chính xác: Các sản phẩm bích nối, gối đỡ ở bi được sản xuất từ gang, lắp trong các hộp giảm tốc, gối đỡ trực lắp trong các máy dân dụng, công nghiệp, sử dụng trong các dây chuyền băng tải ngành khai thác khoáng sản...



Máy vỏ chè

Linh kiện phụ tùng xe máy: Nguyên liệu để sản xuất phụ tùng xe máy là thép, gang, chi tiết được lắp đặt trong động cơ, cụm bánh xe trước sau của xe máy. Sản phẩm được cung cấp đến các Công ty lớn như Honda, Yamaha,...



Hộp giảm tốc



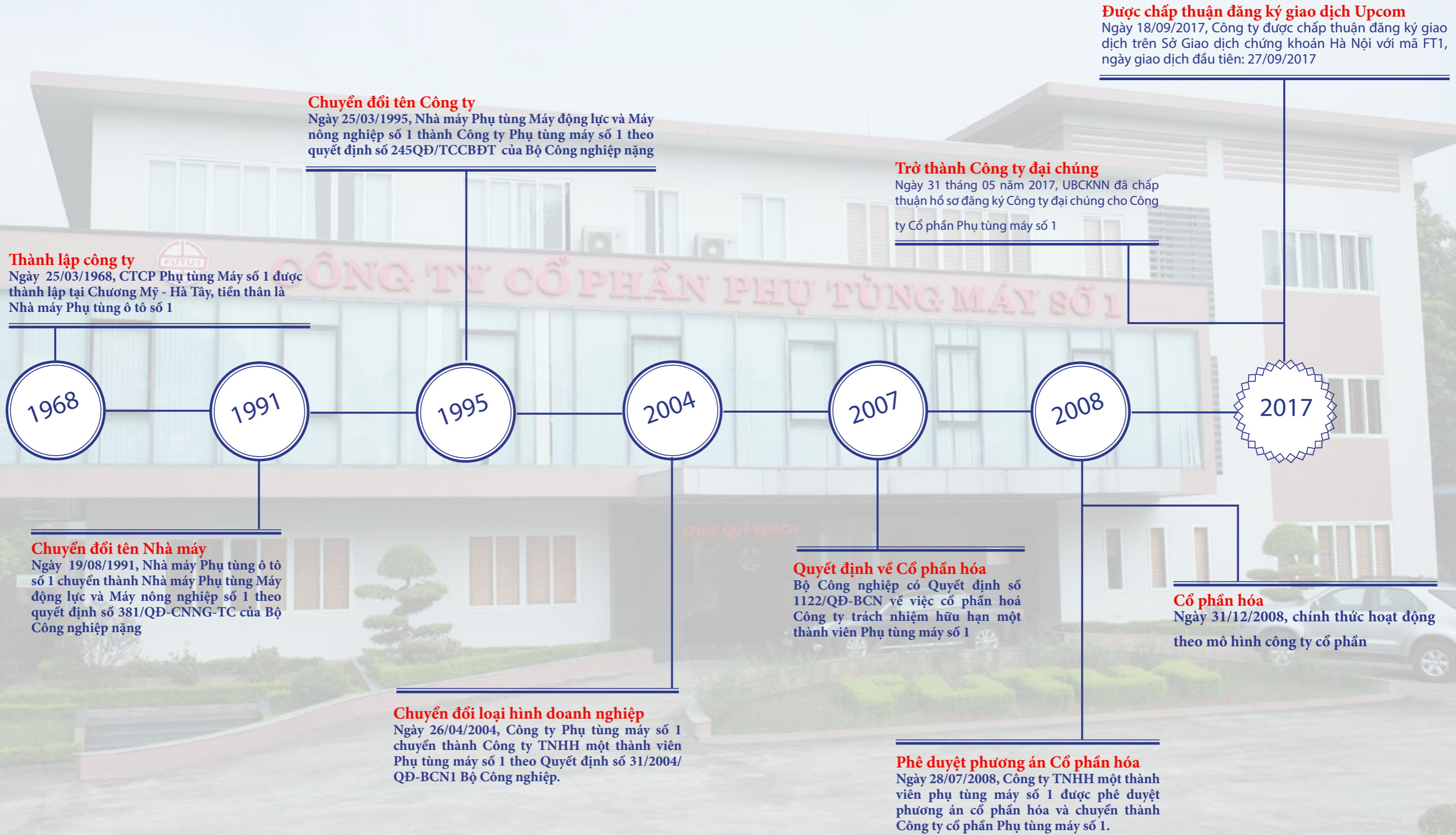
Máy gạt lúa

Máy nông nghiệp: Sản phẩm làm bằng vật liệu thép, gang. Các sản phẩm được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Các phụ tùng cơ khí phục vụ ngành công nghiệp khác: Những chi tiết cơ khí được sản xuất vật liệu bằng gang, thép, được sử dụng trong các lĩnh vực sản xuất khác như sản xuất máy điều hòa, xe nâng...

50 NĂM

HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



VỊ THẾ CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 có 10 dây chuyền sản xuất chính được trang bị các máy móc, thiết bị hiện đại như máy (NC, CNC) đáp ứng được đầy đủ yêu cầu chất lượng khắt khe của khách hàng. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty bao gồm: các loại bánh răng, trục, ống lót xi lanh, bạc cho máy động lực, máy nông nghiệp và động cơ xe máy. Công ty cũng chế tạo và sản xuất một số máy móc phục vụ cơ khí hóa nông nghiệp và nông thôn như hộp số thủy, máy cắt lúa rải hàng, cuốc bàn. Mỗi năm, Công ty cung cấp hàng chục triệu chi tiết linh kiện xe máy, phụ tùng các loại cho các hãng: HONDA VN, YAMAHA VN, SYM, ATSUMITEC, SUMITOMO HEAVY INDUSTRIES...

Công ty có đội ngũ trên 1000 Cán bộ công nhân viên trong đó có 150 kỹ sư và các công nhân lành nghề được đào tạo chính quy tại các trường Đại học, Cao đẳng. Đội ngũ kỹ sư, công nhân của Công ty hoàn toàn có khả năng làm chủ công nghệ, các hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại của các nước tiên tiến, giành thế chủ động trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới và khu vực. Với thế mạnh là nhà sản xuất phụ tùng máy động lực, máy nông nghiệp và linh kiện xe máy, ô tô có uy tín hàng đầu trên thị trường Việt Nam, từ năm 2000 đến nay Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1 đã có chỗ đứng vững chắc, tạo được niềm tin với khách hàng trong và ngoài nước. Công ty hiện là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Tổng công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM).



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chính:

- Duy trì ổn định và tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh của công ty;
- Đảm bảo việc làm và thu nhập và đời sống tinh thần cho người lao động;
- Đảm bảo các lợi ích giữa người lao động, cổ đông và nhà nước;
- Đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, không vi phạm pháp luật;
- Chấp hành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Tỉnh, Thành phố và Tổng công ty.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục mở rộng phát triển thêm khách hàng trong và ngoài nước;
- Duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm đến khách hàng;
- Tăng cường công tác quản lý để giảm chi phí;
- Tăng cường sáng kiến cải tiến nâng cao chất lượng và năng suất lao động;
- Tiếp tục đầu tư thiết bị, công nghệ để nâng cao chất lượng và năng suất, mở thêm sản phẩm mới;
- Tiếp tục phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là linh kiện phụ tùng ô tô;
- Đào tạo lực lượng lao động để đáp ứng công nghệ mới và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm;
- Đảm bảo nâng cao lợi ích người lao động và các cổ đông;
- Đảm bảo an sinh xã hội, tạo niềm tin cho người lao động và cổ đông với công ty;
- Thực hiện và duy trì tốt các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý năng lượng.



TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ

Công ty có **10** dây chuyền sản xuất chính được trang bị hơn **700** đầu thiết bị, trong đó có nhiều máy móc hiện đại như máy gia công tiện, phay, mài, khoan (NC, CNC, DMC), Máy trung tâm gia công, dây chuyền dập bánh răng chính xác (Fine-Banking), dây chuyền rèn tạo phôi lực dập 1.600 tấn, dây chuyền nhiệt luyện liên hoàn hiện đại. Tạo ra sản phẩm chất lượng tốt, ổn định cung cấp cho các khách hàng Honda, Yamaha, Atsumitec, VAP, Piaggio, VMEP, SHIV, DID, Schaeffler, SVEAM...



NHÃN HIỆU

Các sản phẩm công ty sản xuất ra đều đăng ký nhãn hiệu theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Khoa học Công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 16/07/2015



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hà Nội

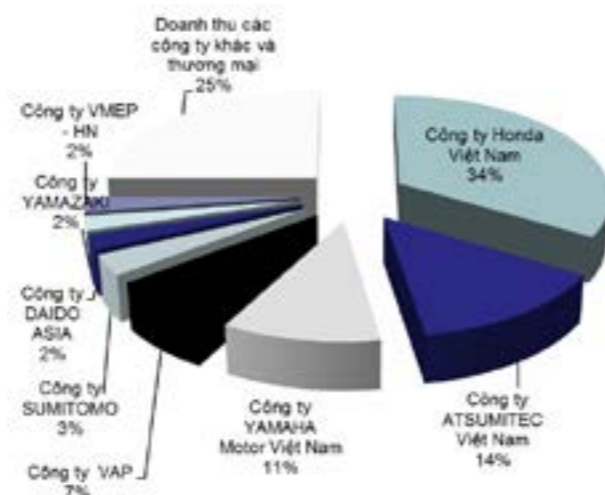
Chiếm **30%** tổng doanh thu năm 2016 & 2017

Cung cấp linh kiện cho Nhà máy sản xuất lắp ráp Yamaha tại KCN Sóc Sơn, Hà Nội

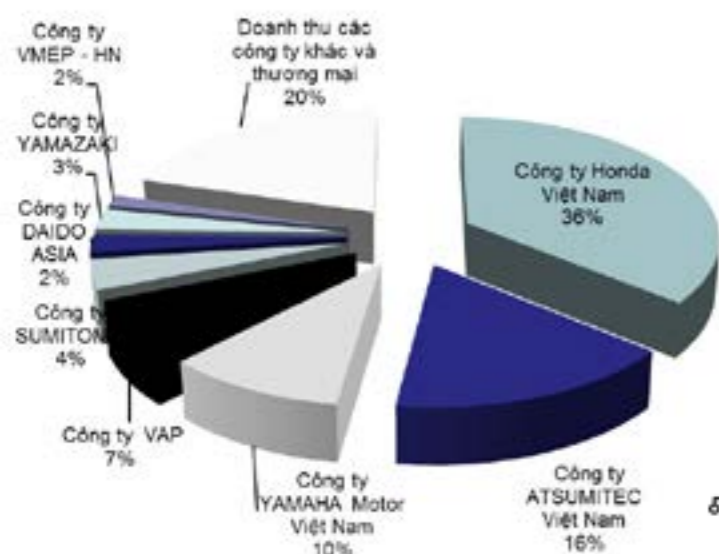
và

Nhà máy sản xuất Atsumitec KCN Thăng Long 1, Hà Nội

Thị phần các khách hàng năm 2016



Thị phần các khách hàng năm 2017



Vĩnh Phúc

Chiếm **35%** tổng doanh thu năm 2016 & 2017

Cung cấp linh kiện cho Nhà máy sản xuất lắp ráp Honda Việt Nam

Kênh phân phối:
Trực tiếp và hỗ trợ

ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

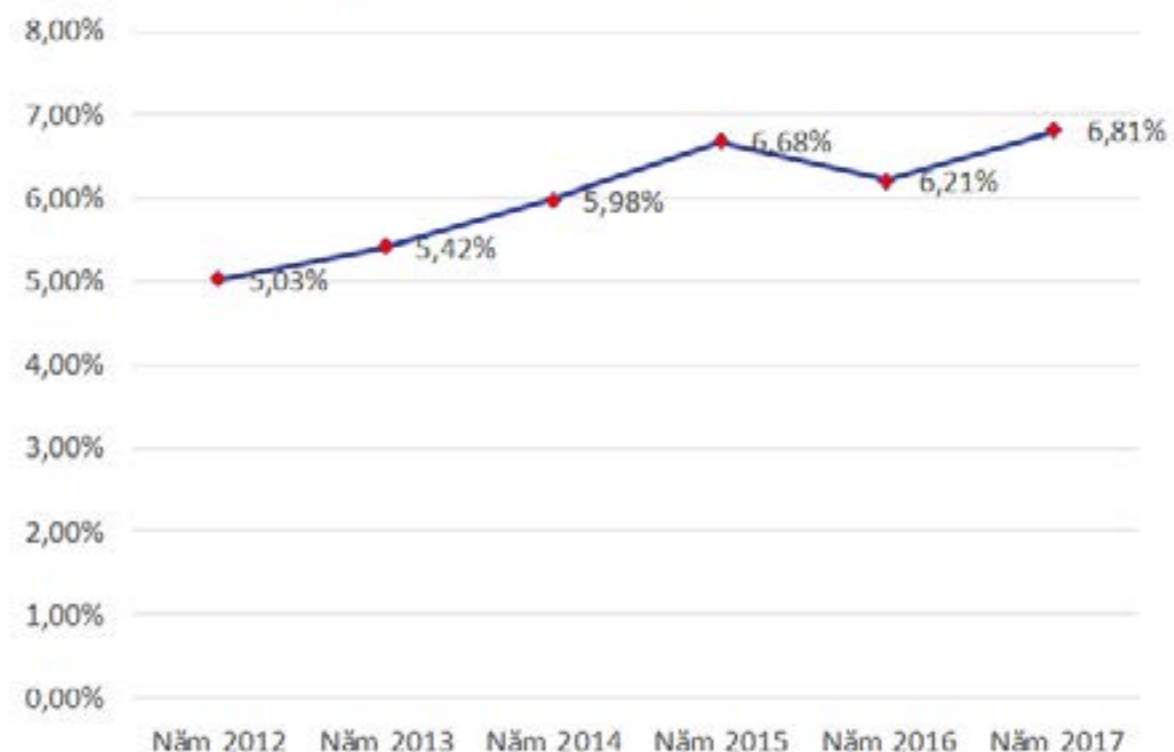


RỦI RO KINH DOANH

! RỦI RO KINH TẾ

Năm 2017 là một năm đầy khởi sắc với nền kinh tế Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua. Đặc biệt, nền kinh tế trong hai quý cuối năm đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm.

Tăng trưởng GDP qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

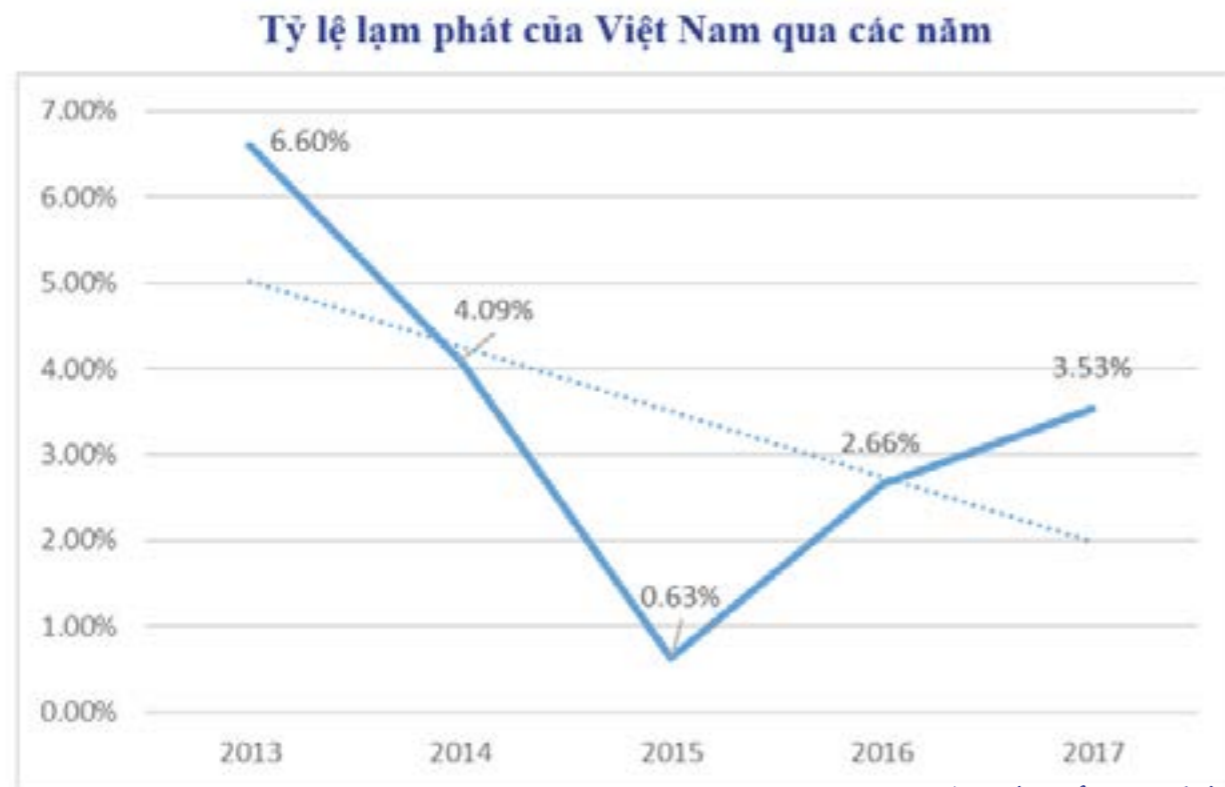
Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt nhiều thách thức khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng. Kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn rủi ro, những biến động của các chính sách kinh tế, tỷ giá khó dự đoán, chi phí đầu vào tăng cao... tác động mạnh tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

! RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu đầu vào chính mà Công ty sử dụng chủ yếu của công ty là gang, thép. Năm 2017, giá thép trong nước và nhập khẩu đều tăng cao và có thể tiếp tục xu hướng tăng trong năm 2018, điều đó có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và hiệu suất sinh lời của Công ty.

! RỦI RO LẠM PHÁT

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 cụ thể như sau:



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Những năm gần đây, tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam đang được duy trì ở mức thấp, kinh tế vĩ mô vẫn giữ được ổn định. Tuy nhiên, đang có xu hướng tăng lên trong 3 năm gần đây. Lạm phát tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tăng giá cả hàng hóa đầu ra và các chi phí khác của Công ty.

! RỦI RO CẠNH TRANH

Trước sức ép cạnh tranh gay gắt khi Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp cơ khí nói chung và FUTU1 nói riêng đã gặp không ít khó khăn. Dù là công ty có lợi thế là các đối tác thường xuyên của các hãng lớn như Honda, Yamaha..., song cũng như các doanh nghiệp cơ khí cả nước, FUTU1 gặp rất nhiều khó khăn do sức ép cạnh tranh ngày một lớn. Minh chứng cụ thể cho thấy, nếu như trước đây có khoảng trên 60 nhà cung cấp linh kiện cho Honda để lắp ráp xe máy thì đến nay đã có tới trên 100 nhà cung cấp. Tương tự ở Yamaha, trước đây khoảng 50 nhà cung cấp linh kiện thì đến nay cũng đã có trên 90 nhà cung cấp. Các nhà cung cấp này chủ yếu đến từ Nhật Bản, Đài Loan và một số ít là các doanh nghiệp của Việt Nam. Qua đó cho thấy, sức ép cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước ngày càng khốc liệt.

Có loại linh kiện xe máy trước đây FUTU1 cung cấp cho khách hàng khoảng 2,5 triệu cái/năm, nay sản lượng đó khách hàng phân chia bớt cho nhiều công ty khác. Và gần đây có một số xe máy đòi mới thay đổi thiết kế, không sử dụng linh kiện trước đây do FUTU1 sản xuất, khiến sản lượng sản xuất của công ty bị giảm đáng kể.

! RỦI RO LUẬT PHÁP

Rủi ro luật pháp phát sinh khi Công ty không cập nhật và áp dụng kịp thời các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai các hoạt động của Công ty.

Khi thực hiện đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch Upcom, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn dưới Luật. Tuy nhiên, Luật và các văn bản hướng dẫn đang trong quá trình hoàn thiện, điều chỉnh do đó, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro và sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, những chính sách, hướng dẫn liên quan khác: Thuế, tài nguyên, môi trường,... cũng có những tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro liên quan đến luật

! RỦI RO KHÁC

- Chất lượng sản phẩm ngày càng đòi hỏi cao
- Sự cạnh tranh lớn do khách hàng mở rộng thêm nhà cung cấp
- Lương tối thiểu vùng tăng và quy định mới về đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động tác động mạnh đến lợi nhuận của công ty
- Các quy định bắt buộc của pháp luật về ATVSLĐ, môi trường, phòng chống cháy nổ, chăm sóc sức khỏe và điều kiện làm việc của người lao động ngày càng cao.
- Thị trường xe máy đang bão hòa dần và chủ yếu là thị trường xe ga
- Nguồn vốn vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp rất hạn chế



SỰ KIỆN NĂM 2017



LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1
25/03/1968 - 25/03/2018



CÁC KHÁCH MỜI ĐẾN DỰ LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY
25/03/1968 - 25/03/2018

DANH HIỆU GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong năm 2017, Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 và các tập thể, cá nhân xuất sắc của Công ty đã nhận được rất nhiều Huân chương, Bằng khen, Cờ đơn vị, Cờ thi đua, Giấy khen của Bộ Công thương, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công, Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Sông Công, UBND tỉnh Thái Nguyên, Tổng Công ty Máy Động lực & Máy Nông nghiệp Việt Nam trao tặng.



Phòng Truyền thống của Công ty



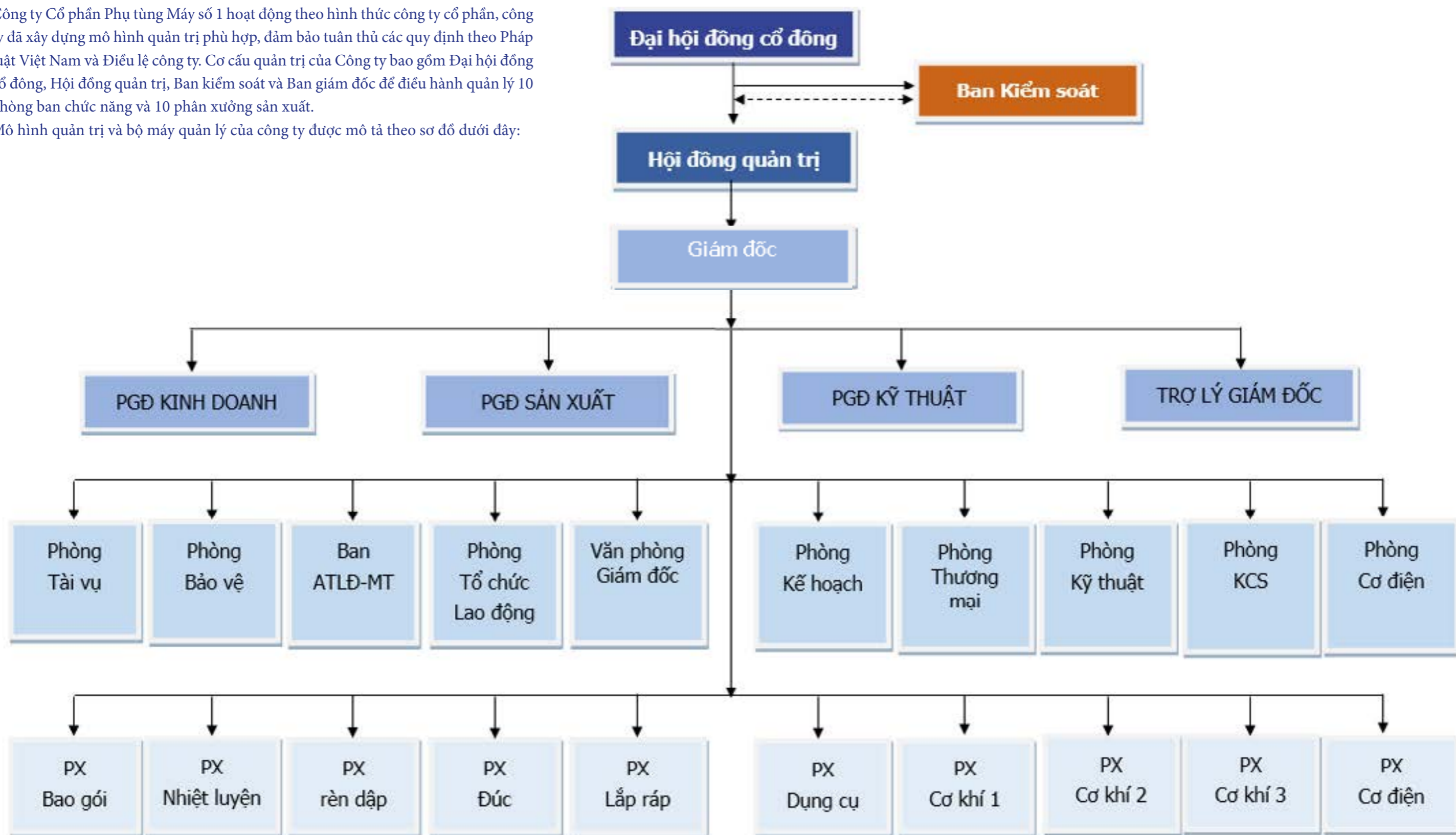
Trong sự nghiệp phát triển ngành cơ khí Công nghiệp nặng
1976 - 1986



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, công ty đã xây dựng mô hình quản trị phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định theo Pháp luật Việt Nam và Điều lệ công ty. Cơ cấu quản trị của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc để điều hành quản lý 10 phòng ban chức năng và 10 phân xưởng sản xuất.

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý của công ty được mô tả theo sơ đồ dưới đây:



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2014 - 2018

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2018. Theo đó Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 bao gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

Ông Vũ Từ Công

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Kế toán Tài chính

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1999 – 12/2002	Công ty đầu tư và xây lắp ngành muối	Phó trưởng phòng TCKT
01/2003 – 05/2005	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Chuyên viên TCKT
06/2005 – 04/2009	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Phó trưởng phòng TCKT
05/2009 – 06/2011	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Trưởng phòng TCKT
07/2011 – 04/2016	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Kế toán trưởng
05/2016 – hiện nay	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
04/2014 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Chủ tịch HĐQT

Bà Trần Thị Huyền

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 20/06/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1995 – 04/2011	Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Nhân viên, Chuyên viên Văn phòng Tổng hợp
05/2011 – hiện nay	Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Phó Chánh Văn phòng Tổng hợp
04/2017 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thành viên HĐQT

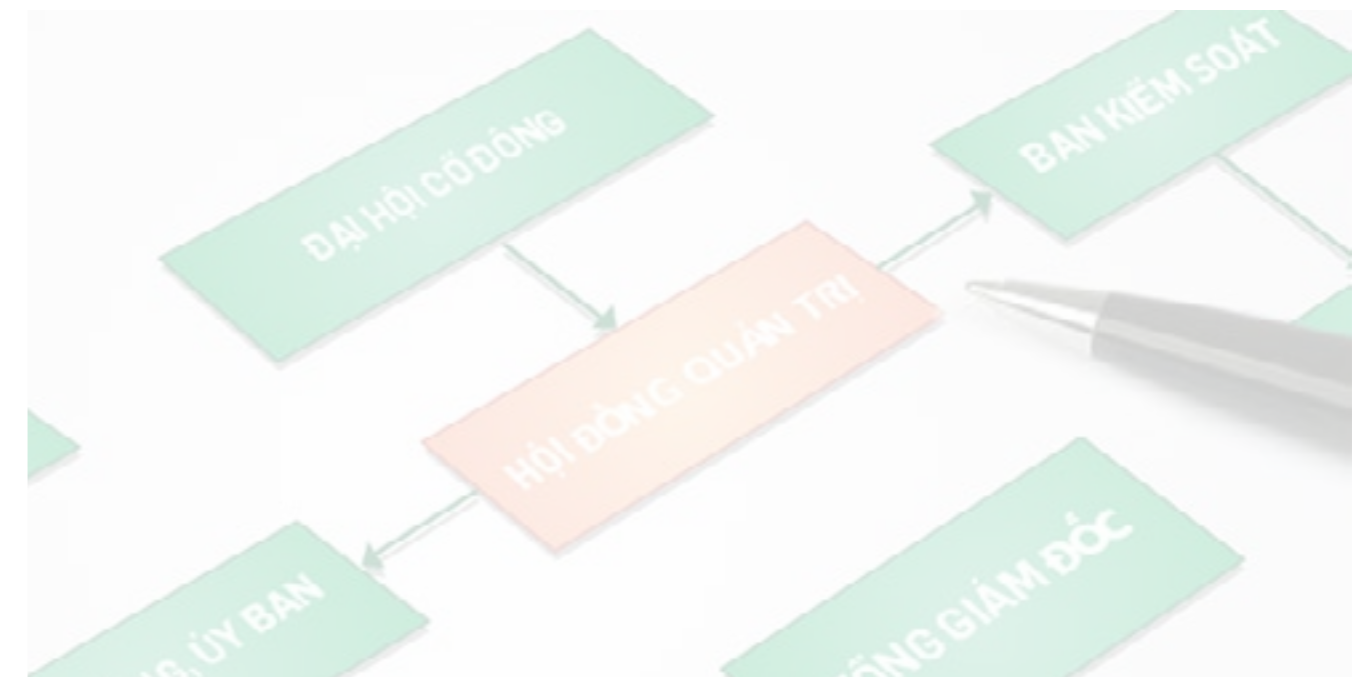
Ông Phạm Văn Khay

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 06/12/1953

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1975 – 11/1982	Nhà máy phụ tùng ô tô số 1	Kỹ sư Cơ khí phòng Kỹ thuật
12/1982 – 12/1988	Nhà máy phụ tùng ô tô số 1	Phó trưởng phòng kỹ thuật
01/1989 – 04/1993	Nhà máy phụ tùng ô tô số 1	Trưởng phòng Kỹ thuật
05/1993 – 02/1995	Nhà máy phụ tùng Máy động lực và Máy nông nghiệp số 1	Phó Giám đốc
03/1995 – 07/2000	Công ty Phụ tùng máy số 1	Phó Giám đốc
08/2000 – 03/2004	Công ty phụ tùng máy số 1	Giám đốc
04/2004 – 01/2007	Công ty TNHH MTV Phụ tùng máy số 1	Giám đốc
02/2007 – 12/2008	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
	Công ty TNHH MTV Phụ tùng máy số 1	Giám đốc
01/2009 – 12/2014	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Giám đốc
01/2009 – 03/2014	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Chủ tịch HĐQT
04/2014 – hiện nay	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Đức Hiền

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

Sinh ngày: 24/04/1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1984 – 06/1989	Nhà máy phụ tùng ô tô số 1	Kỹ sư cơ khí phòng Kỹ thuật
07/1989 – 12/1991	Lao động hợp tác tại Tiệp Khắc	Kỹ thuật viên
01/1991 – 04/1993	Nhà máy phụ tùng ô tô số 1	Kỹ sư Cơ khí phòng Kỹ thuật
05/1993 – 02/1995	Nhà máy phụ tùng Máy động lực và máy nông nghiệp số 1	Kỹ sư Cơ khí phòng Kỹ thuật
03/1995 – 10/1995	Công ty Phụ tùng máy số 1	Kỹ sư Cơ khí phòng Kỹ thuật
11/1995 – 02/2001	Công ty Phụ tùng máy số 1	Phó trưởng phòng SXKD
03/2001 – 03/2004	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Thương mại
04/2004 – 03/2008	Công ty TNHH MTV phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Thương mại
04/2008 – 12/2008	Công ty TNHH MTV phụ tùng máy số 1	Phó giám đốc
01/2009 – 12/2014	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Phó giám đốc
01/2009 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thành viên HĐQT
01/2015 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Giám đốc

Ông Lê Văn Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc

Sinh ngày: 20/01/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ điện

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1988 – 04/1993	Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1	Kỹ sư Điện phòng Kỹ thuật
05/1993 – 02/1995	Nhà máy Phụ tùng Máy động lực và Máy nông nghiệp số 1	Kỹ sư Điện phòng Kỹ thuật
03/1995 – 10/1995	Công ty Phụ tùng máy số 1	Kỹ sư Điện phòng Kỹ thuật
11/1995 – 02/2001	Công ty Phụ tùng máy số 1	Quản đốc phân xưởng lắp ráp
03/2001 – 03/2004	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Kế hoạch
03/2004 – 03/2008	Công ty TNHH MTV phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Kế hoạch
04/2008 – 12/2008	Công ty TNHH MTV phụ tùng máy số 1	Phó Giám đốc
01/2009 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 bao gồm 04 thành viên: 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Hiền

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

Ông Lê Văn Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thùy

Phó Giám đốc

Sinh ngày: 13/09/1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1985 – 01/1989	Nhà máy phụ tùng ô tô số 1	Kỹ thuật viên Phòng kỹ thuật
01/1989 – 04/1993	Nhà máy phụ tùng ô tô số 1	Phó Quản đốc Phân xưởng Cơ khí 3
05/1993 – 03/1995	Nhà máy phụ tùng Máy động lực và Máy nông nghiệp số 1	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí 3
04/1995 – 10/1995	Công ty Phụ tùng máy số 1	Quản đốc Phân xưởng lắp ráp
10/1995 – 08/1998	Công ty Phụ tùng máy số 1	Quản đốc Phân xưởng Dụng cụ
08/1998 – 09/1999	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Phòng kỹ thuật
09/1999 – 03/2001	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Phòng Sản xuất kinh doanh
03/2001 – 08/2001	Công ty Phụ tùng máy số 1	Quản đốc Phân xưởng lắp ráp
08/2001 – 06/2002	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Phòng KCS
06/2002 – 03/2004	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Phòng kỹ thuật
04/2004 – 04/2008	Công ty TNHH MVT Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Phòng kỹ thuật
04/2008 – 12/2008	Công ty TNHH MVT Phụ tùng máy số 1	Phó Giám đốc
01/2009 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Phó Giám đốc

Ông Ngô Quang Bình

Phó Giám đốc

Sinh ngày: 06/10/1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Gia công kim loại bằng áp lực

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/1986 – 05/1991	Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1	Kỹ sư gia công kim loại bằng áp lực
06/1991 – 10/1995	Công ty Phụ tùng máy số 1	Phó Trưởng phòng SXKD
11/1995 – 06/1996	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng SXKD
07/1996 – 08/1999	Công ty Phụ tùng máy số 1	Phó phòng SXKD
09/1999 – 02/2001	Công ty Phụ tùng máy số 1	Quản đốc PX Rèn
03/2001 – 12/2002	Công ty Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Tổ chức Lao động
01/2003 – 09/2003	Công ty TNHH công nghiệp ZEDEN, cụm công nghiệp Khai Quang, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.	Quản lý nhân sự
10/2003 – 03/2004	Công ty Phụ tùng máy số 1	Chuyên viên phòng TCLĐ
04/2004 - 04/2004	Công ty TNHH MTV Phụ tùng Máy số 1	Chuyên viên phòng TCLĐ
05/2004 - 12/2008	Công ty TNHH MTV Phụ tùng Máy số 1	Trưởng phòng Tổng hợp
01/2009 - 12/2014	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Tổng hợp
01/2015 đến nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Phó Giám đốc



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2015 - 2017

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã tiến hành bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2017. Theo đó Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 bao gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đức Giang

Trưởng Ban kiểm soát

Sinh ngày: 16/06/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân luật

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 12/2009	Công ty TNHH MTV phụ tùng máy số 1	Kế toán viên Phòng Tài vụ
01/2009 – 2014	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Kế toán viên Phòng Tài vụ
2014 – 2016	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Phó phòng Phòng Tài vụ
2016 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Trưởng Ban kiểm soát

Bà Lý Kiều Anh

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 01/12/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 – 2011	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán
2011 – 2016	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Phó trưởng phòng Phòng Tài chính kế toán
01/2017 – hiện nay	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Chánh văn phòng Phòng Tổng hợp
04/2015 – 03/2016	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Trưởng Ban kiểm soát
04/2016 – hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thành viên BKS
2015 – hiện nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Anh Dũng

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 05/01/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 - 2003	Công ty Phụ tùng máy số 1	Nhân viên Văn phòng Giám đốc
2004 - 2006	Công ty TNHH MTV Phụ tùng máy số 1	Nhân viên Văn phòng Giám đốc
2007 - 12/2008	Công ty TNHH MTV Phụ tùng máy số 1	Phó phòng Tổng hợp
01/2009 - 2013	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Phó phòng Tổng hợp
2014 - hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Trưởng phòng Văn phòng Giám đốc
04/2016 - hiện nay	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thành viên BKS



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

02

Tình hình hoạt động SXKD năm 2017

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư Chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

THÔNG TIN NGÀNH

Công nghiệp phụ trợ có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế, nó trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng, giúp tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm công nghiệp chính và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa quốc gia. Ở tầm vĩ mô, phát triển công nghiệp phụ trợ giúp giảm kim ngạch nhập khẩu đầu vào sản xuất, qua đó giúp hạn chế các căng thẳng về thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế (nhất là cán cân thương mại) cũng như ngoại tệ đối với những nước nhập khẩu hàng hóa. Công nghiệp phụ trợ có vai trò rất quan trọng trong việc thu hút dòng vốn FDI vào lĩnh vực công nghiệp, đồng thời kích thích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất.

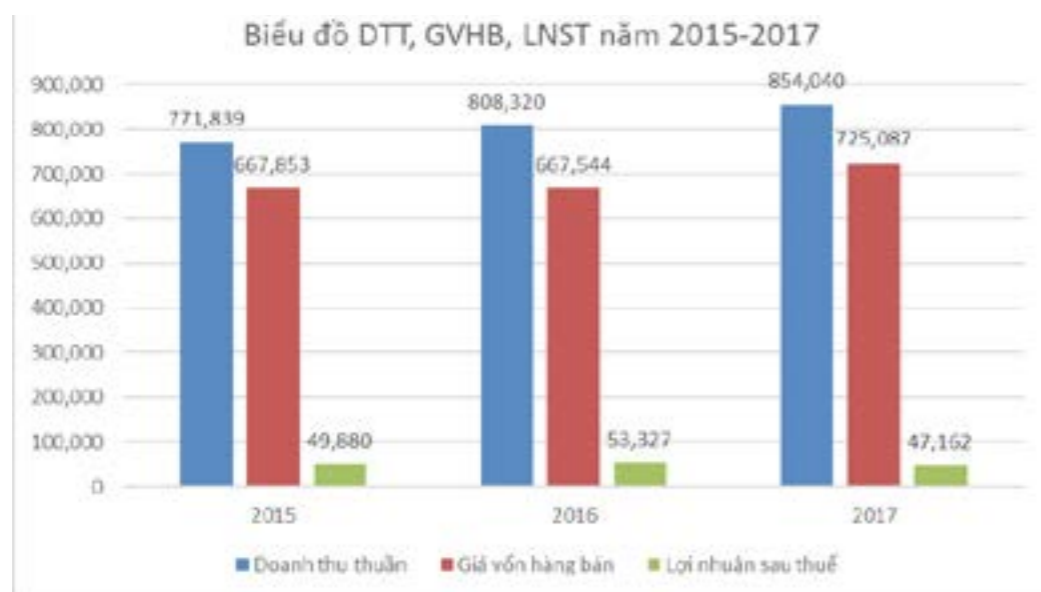
Ngành công nghiệp cũng đang được hỗ trợ từ chính sách của Nhà nước. Nhằm hỗ trợ sự phát

triển công nghiệp phụ trợ, ngày 03/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp phụ trợ được ưu đãi về thuế: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, thuế GTGT,...; ưu đãi về tín dụng; ưu đãi về bảo vệ môi trường...

Ngành công nghiệp phụ trợ xe máy đang phát triển khá thành công do thị trường và nhu cầu người dân lớn. Năm 2017, người tiêu dùng Việt Nam đã mua hơn 3,2 triệu xe máy từ những đơn vị thuộc Hiệp hội các nhà sản xuất xe máy Việt Nam (VAMM) năm 2017, tăng 4,8% so với năm 2016. Nguồn tiêu thụ xe máy lớn là cầu thúc đẩy cho các doanh nghiệp lắp ráp và công nghiệp phụ trợ xe máy. Đến nay Việt Nam đã tự sản xuất được 85-90% các loại linh kiện, phụ tùng xe máy. Thị trường cũng đã đi dần vào ổn định.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Kết thúc năm 2017, tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 754 tỷ đồng vượt 4,7 % so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thuần đạt 854 tỷ đồng vượt 2,89% so với kế hoạch đề ra và tăng 5,66% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 47 tỷ đồng vượt 40% so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên giảm 11,56 % do giá vốn hàng bán (ảnh hưởng của giá sắt thép tăng) và chi phí bán hàng tăng mạnh.



Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh TH 2017/2016	So sánh TH/KH 2017
1	Giá trị doanh thu trước thuế	810	830	855	105,6%	103%
2	Giá trị sản xuất công nghiệp	700	720	754	107,7%	104,7%
3	Tổng giá trị đầu tư (trước thuế)	40,4	126,8	65,7	162,6 %	51,8 %
4	Thu nhập BQ của người lao động (Tr. đ/ng/tháng)	11,0	10	11,5	104,5 %	115 %
5	Lợi nhuận sau thuế	53,2	40	47,16	88,7 %	117,9 %
6	Nộp ngân sách nhà nước	35	100%	38	108,6%	100%
7	Tổng tài sản (tại ngày 31/12)	359,74		337,48	93,8%	
8	Vốn chủ sở hữu	153,69		144,16	93,8%	

Chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2015 - 2017

Chỉ tiêu	2015 (triệu đồng)	2016 (triệu đồng)	2017 (triệu đồng)	2017/2016 (%)	Tăng TB 2015-2017 (%)
Doanh thu thuần	771.839	808.320	854.040	5,66%	5,19%
Giá vốn hàng bán	667.853	667.544	725.087	8,62%	4,29%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.768	66.475	58.439	-12,09%	10,74%
Lợi nhuận khác	14.182	184	663	260,33%	728,87%
Lợi nhuận trước thuế	63.949	66.659	59.102	-11,34%	-3,55%
Lợi nhuận sau thuế	49.880	53.226	47.162	-11,39%	-2,34%



CƠ CẤU DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Cơ cấu doanh thu thuần (DTT), Lợi nhuận gộp (LNG)

STT	Chỉ tiêu	2016		2017		2017/2016	
		DTT	LNG	DTT	LNG	DTT	LNG
1	DTT bán vật tư	64.286	14.051	39.458	6.037	-38,62%	-57,04%
2	DTT bán phụ tùng xe máy	690.527	96.437	756.614	97.212	9,57%	0,80%
3	DTT bán sản phẩm cơ khí	41.021	7.802	45.730	13.466	11,48%	72,60%
4	DTT bán phế liệu	12.486	12.486	12.238	12.238	-1,99%	-1,99%
	Tổng	808.320	130.776	854.040	128.953	5,66%	-1,39%

Doanh thu chủ yếu của công ty qua các năm chủ yếu đến từ việc cung cấp phụ tùng xe máy với tỷ trọng năm 2016 là 85%, năm 2017 là 89%. Trong năm 2017, dòng sản phẩm cơ khí có giá vốn hàng bán giảm nhưng đem lại doanh thu cao hơn 11,48% làm cho lợi nhuận gộp tăng 72,60% so với năm 2016, chiếm 10% lợi nhuận gộp.

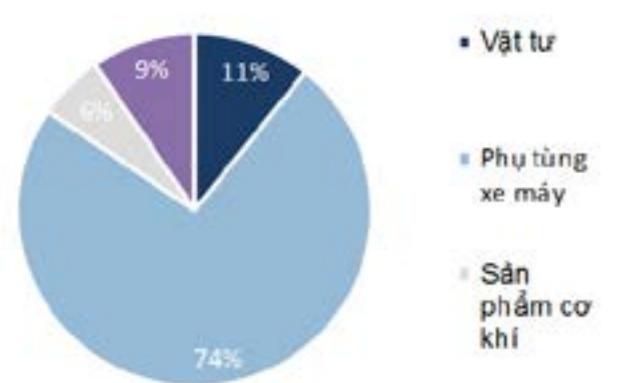
Cơ cấu doanh thu năm 2016



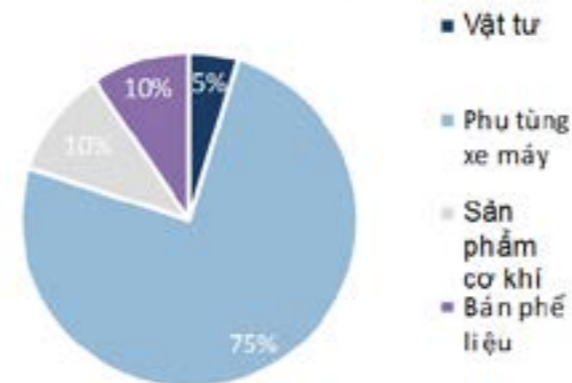
Cơ cấu doanh thu năm 2017



Cơ cấu lợi nhuận năm 2016



Cơ cấu lợi nhuận năm 2017



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Đức Hiến	Giám đốc	2,74%
2	Ông Lê Văn Hùng	Phó giám đốc	0,81%
3	Ông Nguyễn Văn Thù	Phó giám đốc	0,42%
4	Ông Ngô Quang Bình	Phó giám đốc	0,03%

Trong năm 2017 không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Chi tiêu đo lường	Diễn giải	2013	2014	2015	2016	2017
	Tổng số lao động	1221	1212	1168	1161	1225
Giới tính	Nam	1031	1026	991	984	1046
	Nữ	190	186	177	177	179
Độ tuổi	Trên 50 tuổi	67	70	61	73	81
	Từ 41 đến 50 tuổi	176	188	191	200	216
	Từ 31 đến 40 tuổi	508	557	603	643	657
	Từ 30 tuổi trở xuống	470	397	313	245	271
Trình độ	Cao học	0	0	0	0	0
	Đại học	202	208	215	224	224

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Công ty luôn đặc biệt chú trọng tới các chính sách làm việc, lương thưởng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đảm bảo mọi điều kiện cho nhân sự của Công ty có thể tập trung làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn của Công ty trong năm 2017:

- Đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng và thay thế các thiết bị quá cũ: 33.990.298.187 đồng
- Đầu tư thiết bị cho sản phẩm mới: 25.657.435.449 đồng
- Đầu tư cho xây dựng cơ bản: 6.054.521.645 đồng
- Tổng chi cho đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2017 là 65.702.255.281 đồng trước thuế và sau thuế là 72.272.480.809 đồng. Đạt 52% so với Kế hoạch được ĐHCĐ thông qua và bằng 163% so KH 2016.

Việc không hoàn thành được kế hoạch đầu tư do Đại hội đồng cổ đông thông qua là do một số lý do sau:

- Năm 2017 nhiều sản phẩm mới không đưa vào sản xuất loạt được
- Một số sản phẩm cũ thì bị cắt giảm đơn hàng hoặc không sản xuất nữa
- Một số sản phẩm, đơn hàng dự kiến sản xuất trong năm 2017 không triển khai nữa.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của năm 2017

Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,59	1,37	1,27
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,12	0,09	0,01
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng TS bình quân	%	52,99%	58,08%	55,46%
- Hệ số Nợ/Vốn CSH bình quân	%	112,71%	138,55%	129,81%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	5,51	4,84	5,02
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	2,61	2,37	2,45
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,46%	6,60%	5,52%
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	35,56%	35,37%	31,67%
- Hệ số LN sau thuế/ Tổng TS	%	16,85%	15,66%	13,53%

Các chỉ số tài chính không có biến động nhiều qua các năm. Các chỉ số về khả năng thanh toán, năng lực hoạt động và khả năng sinh lời năm 2017 không được tốt bằng năm 2016 và năm 2015. Chỉ số thể hiện khả năng thanh toán của doanh nghiệp giảm, do dòng tiền của doanh nghiệp cho hoạt động đầu tư để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác tăng mạnh (tăng 36,2 tỷ đồng so với năm 2016, tương ứng mức tăng 152,5%), tiền thu từ đi vay giảm 16% (28,1 tỷ đồng), làm cho các khoản tiền và tương đương tiền của doanh nghiệp giảm, tuy nhiên, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tốt tăng 100,75% so với năm 2016 (tương ứng 54,98 tỷ đồng).



CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- Số cổ phổ thông: 7.079.853 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 7.079.853 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	3.893.919	38.939.190.000	55,00%	1
2	Cổ đông nhỏ	3.185.934	31.859.340.000	45,00%	867
	Tổng	7.079.853	70.798.530.000	100,00%	868
1	Cổ đông trong nước	7.079.853	70.798.530.000	100,00%	868
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
	Tổng	7.079.853	70.798.530.000	100,00%	868
1	Cổ đông tổ chức	4.224.721	42.247.210.000	59,67%	6
2	Cổ đông cá nhân	2.855.132	28.551.320.000	40,33%	862
	Tổng	7.079.853	70.798.530.000	100,00%	868

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Số 0100103866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/10/2010, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 24/01/2017	Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	3.893.919

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Đợt tăng vốn trong năm: Không
- Lịch sử tăng vốn: Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1 chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 31/12/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600358468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/12/2008 với số vốn điều lệ là 70.798.530.000 đồng đến nay chưa thay đổi vốn điều lệ

Cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh
doanh của Công ty
Tình hình tài sản
Tình hình năm 2018 và triển vọng
phát triển của Công ty



Một số chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	T/hiện 2016	Kế hoạch 2017	T/hiện 2017	So sánh TH2017/TH2016	So sánh TH/KH 2017
1	Giá trị doanh thu trước thuế	810	830	855	105,6%	103 %
2	Giá trị sản xuất công nghiệp	700	720	754	107,7%	104,7%
3	Tổng giá trị đầu tư (trước thuế)	40,4	126,8	65,7	162,6 %	51,8 %
4	Thu nhập BQ của người lao động (Tr. đ/ng/tháng)	11,0	10	11,5	104,5 %	115 %
5	Lợi nhuận sau thuế	53,2	40	47,16	88,6 %	117,9 %
6	Nộp ngân sách nhà nước	35	100%	38	108,6%	100%
7	Tổng tài sản (31/12)	359,740		337,481	93,8%	
8	Vốn chủ sở hữu	153,69		144,16	93,8%	

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi:

- Kinh tế trong nước tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, GDP 2017 tăng trưởng 6,8%.
- Thị trường tiêu thụ xe máy tại Việt Nam năm 2017 tiếp tục tăng trưởng. Sản xuất và tiêu thụ thị trường trong nước và xuất khẩu của các doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp xe máy đạt 3,8 triệu xe, tăng 6,56 % so với năm 2016.
- Dự báo các đơn hàng của khách hàng khá chính xác và đồng đều giữa các tháng, thuận lợi cho việc chuẩn bị sản xuất và giao hàng.
- Lãi suất vay vốn ngân hàng ổn định ở mức hợp lý.
- Công ty có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, phụ tùng Xe máy; có uy tín và mối quan hệ tốt với khách hàng điển hình là các doanh nghiệp Nhật.
- Công ty nhận được sự quan tâm và hỗ trợ lớn từ VEAM cho vay vốn lãi suất ưu đãi.

Khó khăn:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng của các sản phẩm từ phía khách hàng ngày càng cao.
- Sức ép cạnh tranh ngày một lớn do chính sách mở rộng nhà cung cấp của khách hàng.
- Một số mẫu xe mới khách hàng thay đổi thiết kế không sử dụng Phụ tùng Công ty đang cung cấp.
- Giá cả vật tư, vật liệu đầu vào: thép chế tạo và gang nguồn nguyên liệu chính trong sản xuất của Công ty tăng khoảng 5% so với năm trước.
- Sản phẩm phức tạp, độ chính xác cao, chủng loại nhiều, số lượng ít, nên việc chuyên môn hóa, layout dây chuyền sản xuất và quản lý gặp nhiều khó khăn.
- Lương tối thiểu vùng tăng, việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN... làm tăng chi phí sản xuất.

2. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	268.508	220.703	-47.805	-17,80%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	17.310	1.463	-15.847	-91,55%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	91.869	84.829	-7.040	-7,66%
IV. Hàng tồn kho	154.948	133.977	-20.971	-13,53%
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.381	435	-3.946	-90,07%
B. Tài sản dài hạn	91.232	116.778	25.546	28,00%
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	89.713	114.713	25.000	27,87%
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	-	128	-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	959	959	0	0,00%
VI. Tài sản dài hạn khác	560	978	418	74,64%
Tổng cộng tài sản	359.740	337.481	-22.259	-6,19%

Tổng tài sản năm 2017 giảm 6,19% so với năm 2016. Tài sản ngắn hạn giảm 47,805 tỷ đồng tương đương 17,80%, tài sản dài hạn tăng 25,546 tỷ tương đương 28%. Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do lượng hàng tồn kho (nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm) giảm và các khoản tiền và tương đương tiền giảm, trong khi đó tài dài hạn tăng do công ty tăng đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định.

Trong năm 2017, doanh thu thuần trên mỗi đơn vị tài sản của Công ty tăng tuy nhiên lợi nhuận sau thuế trên mỗi đơn vị tài sản giảm.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn	194.045	173.653	-20.392	-10,51%
1. Phải trả cho người bán	67.537	54.613	-12.924	-19,14%
2. Người mua trả tiền trước	481	355	-126	-26,2%
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	9.753	10.437	684	7,01%
4. Phải trả người lao động	54.281	50.467	-3.814	-7,03%
5. Phải trả ngắn hạn khác	3.509	3.446	-63	-1,80%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	44.798	22.831	-21.967	-49,04%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.686	31.504	17.818	230,19%
II. Nợ dài hạn	12.000	19.672	7.672	63,93%

Nợ phải trả của Công ty giảm 6,17% so với năm 2016 nguyên nhân chủ yếu do mức khoản vay và thuê nợ tài chính ngắn hạn của công ty giảm mạnh (21,97 tỷ đồng tương đương 49,04%). Tuy nhiên nợ dài hạn tăng hơn 7,67 tỷ đồng (tương đương 63,93%), góp phần làm tăng nhẹ chi phí tài chính doanh nghiệp khi nợ dài hạn có lãi suất cao hơn.

Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến hoạt động kinh doanh của công ty: Không đáng kể

3. Tình hình năm 2018 và triển vọng phát triển của Công ty

- Dự báo kinh tế Việt Nam 2018 tiếp tục tăng trưởng tốt.
- Thị trường Xe máy dự báo giảm so với 2017. Tuy nhiên do có giá cạnh tranh và chất lượng tốt nên khách hàng AVN dự kiến đặt hàng tăng để xuất khẩu như tay biên tăng khoảng 700.000 cái so với 2017.
- FUTU1 tiếp tục nhận được nhiều sự tin cậy từ các khách hàng truyền thống và một số khách hàng mới đến từ Nhật Bản.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng cho các sản phẩm linh kiện, phụ tùng yêu cầu ngày càng cao hơn.
- Vật tư chính như: Thép chế tạo; Gang và nhiều loại khác tiếp tục tăng mạnh, trung bình khoảng trên 10% so với 2017.
- Giá điện tăng từ 12/2017; BHXH, BHYT, BHTN tăng do lương tối thiểu vùng tăng từ 1/2018; Chi phí thuê đất tăng.
- Sản phẩm phức tạp, độ chính xác cao, chủng loại nhiều số lượng ít nên việc chuyên môn hóa và quản lý sản xuất tiếp tục gặp khó khăn.
- Sức ép cạnh tranh về chất lượng và giá từ các khách hàng ngày một lớn.

Các chỉ tiêu dự kiến năm 2018:

Từ những khó khăn và thuận lợi, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018 với một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	% so với năm 2017
1	Giá trị tổng sản lượng	754	765	101,5 %
2	Doanh thu trước thuế	855	865	101%
3	Lợi nhuận trước thuế	59,1	30	50,8%
4	Tổng giá trị đầu tư (trước thuế)	65,7	44,2	67,3%
5	Thu nhập bình quân (tr. đ/ng/th)	11,5	10	86,9 %

Một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu:

- Đặc biệt quan tâm không để mất thị phần cung cấp linh kiện phụ tùng cho các khách hàng hiện tại.
- Phát triển mở rộng nhóm sản phẩm đang sản xuất và có thể mạnh để mở cung cấp cho các khách hàng mới và xuất khẩu. Phát triển thêm sản phẩm mới cung cấp cho SNV, SHIV, CQS, VMEP, Piaggio ... Tăng cường tiêu thụ đĩa xích, phụ tùng thay thế mang thương hiệu FUTU1.
- Cải tiến công nghệ tập trung vào nhóm các chi tiết đang có tỷ lệ hỏng cao, chi phí cao, năng suất thấp đặc biệt là nhóm sản phẩm Đúc. Cải tiến khuôn, gá ưu tiên nhóm khuôn rèn dập và khuôn đúc. Tiếp tục sắp xếp lại các dây chuyền sản xuất cho hợp lý theo Layout nhóm công đoạn.
- Tiếp tục kiện toàn HTQLCL và cải tiến chất lượng các sản phẩm. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng các công đoạn sản xuất, nâng cao chất lượng hàng đặt ngoài. Sắp xếp và cơ cấu lại KCS quá trình, kiểm soát chặt chất lượng sản phẩm trước khi giao hàng.
- Tuyên truyền CBCNV nâng cao ý thức và trách nhiệm với công việc, thực hiện tốt nội quy, quy chế lao động, quản lý 5S, tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản lý Chất lượng, Môi trường, Năng lượng và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện nghiêm pháp lệnh sản xuất, đáp ứng tiến độ giao hàng, giảm tồn công đoạn và tồn kho. Thông tin kịp thời giữa các bộ phận, đơn vị trong Công ty nhằm giải quyết kịp thời những vướng mắc trong sản xuất. Làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất: Mua vật tư, phôi, dao cụ, dụng cụ, chi tiết dự phòng ở mức hợp lý. Yêu cầu các nhà cung cấp của Công ty không ngừng cải tiến chất lượng, loại bỏ lãng phí.
- Đầu tư mới thiết bị đảm bảo nâng cao năng lực, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng, giảm chi phí năng lượng... Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị kịp thời, đảm bảo chất lượng, chi phí thấp. Cải tạo các nhà xưởng, kho chứa để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Tổ chức tốt phong trào thi đua sáng kiến/ Kaizen, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng, giảm lãng phí, nâng cao năng lực cạnh tranh. Khen thưởng kịp thời để động viên người lao động.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **04**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	Thực hiện		KH 2017 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng %	
	2017 (tỷ VNĐ)	2016 (tỷ VNĐ)		So với KH	So với 2016
Doanh thu thuần	854	808	830	2,89%	5,69%
Lợi nhuận sau thuế	47	53	40	17,50%	-11,32%

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đã vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 giao phó. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của công ty đã giảm 11,32% do sức ép cạnh tranh. Năm 2018, toàn bộ xe máy nhập khẩu từ khu vực ASEAN vào Việt Nam sẽ có mức thuế suất bằng 0%. Do đó, thị phần xe máy nhập khẩu có thể tăng, các hãng xe máy lắp ráp tại Việt Nam sẽ phải điều chỉnh mức giá phù hợp để tăng sức cạnh tranh trên thị trường, giá các sản phẩm phụ tùng xe máy của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng lớn, trong khi doanh thu từ các mặt hàng này chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, Hội đồng quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tháng 4 năm 2017. Giám đốc và thành viên Ban điều hành cũng thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Hội đồng quản trị đã kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Giám đốc và Ban điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên của BKS được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trao đổi, đưa ý kiến về các vấn đề liên quan với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông;
- Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết sau mỗi buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kế hoạch của Quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Kết luận:

- Ban điều hành đã nỗ lực trong việc hoàn thành mục tiêu doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu khác do Đại hội cổ đông 2017 thống nhất đưa ra. Thành tích có được xuất phát từ sự điều hành của Giám đốc và sự phối hợp giữa các khối, phòng trong Công ty. Ngoài ra, sự chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị đã đảm bảo cho Hội đồng quản trị nắm bắt tình hình và giám sát tốt hoạt động của Công ty.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Phấn đấu thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018. Đảm bảo hài hoà lợi ích của người lao động với lợi ích các cổ đông.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Phương hướng thực hiện:

- Thực hiện tốt chức năng quyền hạn của Hội đồng quản trị theo luật doanh nghiệp và Điều lệ; Kết hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty thực hiện các nội dung theo nghị quyết Đại hội cổ đông 2018.
- Chú trọng việc cân bằng giữa mục tiêu tài chính với các mục tiêu phi tài chính để đảm bảo Công ty phát triển một cách bền vững và có những bước tiến vững chắc hơn ra thị trường trong nước và khu vực trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và có nhiều biến động.
- Đặc biệt quan tâm tình hình thị trường và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá Ban điều hành công ty trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông.



05 **BÁO CÁO** **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Ban kiểm soát
Giao dịch, hợp đồng của Công ty với
người có liên quan
Tăng cường quản trị công ty**



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 nhiệm kỳ 2014 - 2018 có 05 thành viên gồm: Trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 03 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Vũ Từ Công	Chủ tịch	TV HĐQT Không Điều hành	10.000	0,14%
2	Ông Phạm Văn Khay	Thành viên	TV HĐQT Không điều hành	13.300	0,19%
3	Ông Nguyễn Đức Hiến	Thành viên	TV HĐQT Điều hành	194.300	2,74%
4	Bà Trần Thị Huyền	Thành viên	TV HĐQT Không điều hành	-	-
5	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	TV HĐQT Điều hành	57.000	0,81%

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá từng thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị theo các nội dung: Sự chuẩn bị, sự tham gia và đóng góp cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
- Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2017.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Vũ Từ Công	Chủ tịch HĐQT	05	100%
2	Ông Nguyễn Đức Hiến	Thành viên HĐQT	05	100%
3	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	05	100%
4	Ông Phạm Văn Khay	Thành viên HĐQT	05	100%
5	Bà Trần Thị Huyền	Thành viên HĐQT	03	100%

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết/ Biên bản	Ngày	Nội dung
1	06/BB-HĐQT	14/01/2017	• Thông qua chuyển xếp Thang lương, Bảng lương của công ty áp dụng từ 01/01/2017
2	07/BB-HĐQT	21/04/2017	• Tổng kết SXKD 2016, kết quả SXKD quý I/2017. • Thông qua báo cáo tài chính và phương án phân chia lợi nhuận. • Thống nhất miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT. • Thông qua công tác chuẩn bị và tổ chức ĐHCĐ thường niên 2017
3	08/BB-HĐQT	17/05/2017	• Thông qua việc thực hiện đăng ký lưu ký tại trung tâm lưu ký chứng khoán VSD và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán chưa niêm yết UPCOM.
4	09/BB-HĐQT	24/07/2017	• Thông qua kết quả SXKD 6 tháng 2017.
5	01/NQ-HĐQT	20/10/2017	• Thông qua kết quả SXKD 9 tháng 2017. • Thông qua quy chế công bố thông tin công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1.

2. Thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 nhiệm kỳ 2015 - 2017 có 03 thành viên gồm: Trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Đức Giang	Trưởng BKS	6.000	0,08%
2	Bà Lý Kiều Anh	Thành viên BKS	5.000	0,07%
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên BKS	3.900	0,06%

Số cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2017

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Giang	Trưởng BKS	02	100%
2	Bà Lý Kiều Anh	Thành viên BKS	02	100%
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên BKS	02	100%

Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng quản trị có 5 thành viên đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty.
- Trong năm 2017, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã triệu tập 5 phiên họp để ra các quyết định quan trọng. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời ban kiểm soát.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện toàn bộ Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; luôn bám sát các hoạt động của ban điều hành, kịp thời đưa ra các định hướng chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Năm 2017 không có điều gì bất thường trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Ban Giám đốc duy trì các cuộc họp sản xuất hàng tháng, họp bất thường khi có vấn đề phát sinh kịp thời đưa ra các giải pháp để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong năm 2017, Ban giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp chỉ đạo, điều hành phát huy nguồn lực, tiết kiệm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được kết quả tốt nhất, giúp công ty phát triển ngày càng bền vững.

3. Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan

Doanh thu	Giá trị (VNĐ đồng)
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	8.602.875.000
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	2.353.624.750
Công ty Cổ phần Cơ Khí Phổ Yên	31.506.300
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	96.701.658
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	4.510.000
Mua hàng:	
Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ	49.863.954.900
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	2.279.893.200
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	12.040.293.000
Viện Công nghệ	341.400.000
Các khoản phải thu khách hàng	
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	785.235.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	214.137.748
Các khoản phải trả người bán	
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị toàn bộ	4.915.125.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	1.139.780.950
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	613.800.000
Viện Công nghệ	100.100.000
Các khoản vay	
TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP	8.000.000.000

4. Tăng cường quản trị công ty

Khi đăng ký giao dịch Upcom, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời, tuân thủ quy định về Quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan về nghĩa vụ nghĩa vụ về Công bố thông tin, quy định về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,... bảo vệ tối đa lợi ích của cổ đông.

Giải pháp tăng cường quản trị công ty hiệu quả

Tiêu chí Quản trị	Giải pháp tăng cường hiệu quả
Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật, đào tạo cho những người có liên quan nắm vững quy định, thay đổi trong pháp luật. Cử người tham gia các hoạt động, hội thảo quản trị công ty, cập nhật các thông lệ tốt trong hoạt động Quản trị công ty, phân tích áp dụng một cách hợp lý với công ty
Quan hệ nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động công ty trên phương tiện đại chúng để cổ đông nắm bắt; đảm bảo các quyền của đông theo quy định của Điều lệ, pháp luật, bình đẳng giữ các cổ đông; Thành viên Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý chủ chốt của công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị khi họ có quan hệ kinh doanh, gia đình hay quan hệ khác ngoài công ty có thể ảnh hưởng đối với một giao dịch hay một vấn đề nào đó của công ty
Quản trị tài chính - kế toán	<ul style="list-style-type: none"> Công ty đã có hệ thống kế toán, tài chính giúp hỗ trợ ra quyết định trong hoạt động kinh doanh. Luôn cẩn trọng, giám sát, giữ sự minh bạch trong tài chính
Quản trị nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét lại các kỹ năng cần có cho thành viên HĐQT và so sánh chúng với hồ sơ của các thành viên HĐQT. Những kỹ năng mềm và tính cách của các thành viên HĐQT cũng được xem xét vì chúng góp phần trong việc thiết lập một HĐQT phù hợp Xây dựng các tiêu chuẩn, kế hoạch tuyển dụng nhân sự đảm bảo tính sáng tạo trong hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, quan hệ thị trường, khách hàng.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

06

**Tiêu thụ Năng lượng
Bảo vệ môi trường
Chính sách liên quan đến người lao động**

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ năng lượng

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nhà máy nước thành phố Sông Công

- Lượng nước sử dụng năm 2017: 69.419 m³

- Tổng tiền nước năm 2017: 902.447.000 đồng



2. Bảo vệ môi trường

- Sản xuất xanh và sạch đã và đang trở thành một trong những chiến lược quan trọng của ngành công nghiệp, bởi nó không chỉ giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn giúp bảo vệ môi trường, cải thiện sức khỏe cho người lao động, góp phần phát triển công nghiệp bền vững. Năm bắt được xu thế đó, những năm qua, bên cạnh việc không ngừng đầu tư về máy móc, trang thiết bị và xây dựng nhà xưởng để phục vụ sản xuất, Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) còn luôn chú trọng và đề cao công tác bảo vệ môi trường.
- Công ty được thành lập ngày 25/3/1968. Trải qua hàng chục năm phấn đấu, Công ty không ngừng phát triển và đã có nhiều đóng góp vào sự nghiệp chung của nền công nghiệp Việt Nam. ... Hiện nay Công ty đang sử dụng các hệ thống quản lý ISO như: ISO Chất lượng 9001: 2015, ISO Môi trường 14001:2015, ISO Năng lượng 50001:2011. Năm 2008, Công ty vinh dự được Bộ khoa học và Công nghệ trao tặng cúp vàng ISO 2008 và là đơn vị xuất sắc trong việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Công ty không những tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động mà còn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Hưởng ứng ngày môi trường thế giới (5/6), hàng năm Công ty đào tạo, tổ chức các hội thi An toàn vệ sinh công nghiệp (ATVSCN), tuyên truyền các hoạt động bảo vệ môi trường cho người lao động. Phát động chương trình tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu để giảm lượng khí phát thải ra môi trường... Công ty còn đầu tư đổi mới trang thiết bị, công nghệ và xây dựng cảnh quan môi trường lao động xanh-sạch-đẹp.
- Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 đã triển khai hệ thống quản lý môi trường thông qua các giải pháp sản xuất sạch hơn, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm giảm lượng khí phát thải, tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu; duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015. Hàng năm, Công ty đặt ra mục tiêu giảm phát thải khí CO₂ thông qua việc phát động thi đua cải tiến, tiết kiệm sử dụng các dạng năng lượng như: điện, ga, dầu.

- Trong quá trình sản xuất, để đảm bảo môi trường làm việc luôn sạch sẽ, thoáng mát cho người lao động, Công ty lắp đặt hệ thống hút bụi, thông gió và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế khi cần thiết.
- Theo kết quả quan trắc hiện trạng môi trường của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên, các chỉ tiêu phân tích như bụi, tiếng ồn và không khí của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn môi trường Việt Nam.
- Song song với các hoạt động bảo vệ môi trường trong công ty, Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 còn rất chú trọng đến việc bảo vệ môi trường ngoài nhà máy. Đối với chất thải nguy hại, Công ty ký hợp đồng với các đơn vị chuyên trách nhằm thu gom, xử lý hợp lý theo quy định. Công ty đã quan tâm và đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp theo quy chuẩn Việt Nam, xử lý nước thải đạt giá trị C cột A - QCVN 40/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi cho xả ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty còn quan tâm đến việc đào tạo và tổ chức các hoạt động về vấn đề bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức cho CBCNV như yêu cầu mọi CBCNV phải thực hiện tốt công tác 5S, vệ sinh vị trí làm việc của mình trước khi bắt đầu và kết thúc ca làm việc; trồng thêm cây xanh xung quanh Công ty...

3. Chính sách liên quan đến người lao động

📄 Chế độ làm việc

- Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng Bộ luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.
- Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng Luật hiện hành.
- Đến hết năm 2017, Công ty có tổng số lao động công ty đã ký kết hợp đồng lao động: 1225 người, đạt tỷ lệ 100%/TSLĐ. Tỷ lệ thực hiện Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm Y tế cho người lao động đạt tỷ lệ 100%/TSLĐ
- Các chế độ lương, nâng lương nâng bậc, thưởng cho người lao động tại Doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật lao động.

📄 Chế độ lương, thưởng

- Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước và chính sách tiền lương của Công ty. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động trong Công ty căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Nhà nước và Công ty qui định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Các chế độ lương, nâng lương nâng bậc, thưởng cho người lao động tại Doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật lao động.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân (tr. đ/ng/th)	10,9	11,0	11,5

Chế độ phúc lợi

Bên cạnh chính sách về lương, thưởng, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động. Công ty thực hiện chi chế độ cho các dịp lễ, tết và các trường hợp phát sinh thực tế như kết hôn, ốm đau, tử tuất, thai sản, hưu trí. Toàn thể CBNV làm việc tại Công ty đều được nhận chế độ phúc lợi theo các mức khác nhau căn cứ vào hình thức hợp đồng lao động và thời gian ký hợp đồng lao động của mỗi CBNV.

Ngoài ra công ty còn phối hợp tham gia tuyên truyền phổ biến nội quy lao động, pháp luật lao động và các hoạt động chăm lo cho người lao động nhằm tạo khí thế phấn khởi cho CNVCLĐ, qua các phong trào Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động kỷ niệm đã được phát động, cụ thể:

Nhân ngày quốc tế Phụ nữ 8/3, tổ chức tham quan cho hơn 180 chị em với số tiền là 42 triệu đồng.

- Kỷ niệm 87 ngày thành lập HLHPNVN 20/10, Ban chấp hành công đoàn và Ban TGD tặng hoa, tổ chức liên hoan cho chị em phụ nữ công ty với số tiền 25.000.000 đồng.
- Tham gia có hiệu quả các cuộc thi An toàn vệ sinh viên do Tổng công ty VEAM tổ chức, các cuộc thi đấu thể thao do cấp trên và công ty tổ chức.
- Các hoạt động Công đoàn Công ty đối với con em CBCNV:
 Năm 2017 phát thưởng cho 396 cháu là học sinh giỏi cấp trường trở lên với tổng kinh phí 45,2 triệu đồng.

Nhân dịp tết thiếu nhi 1/6 và tết Trung thu CĐCS công ty tổ chức phát quà cho các cháu số tiền: 152. triệu đồng.

Qua từng đợt phát thưởng đã góp phần tích cực trong việc động viên các cháu ham học hỏi và chăm ngoan hơn, thực tế là qua các năm, số lượng khá (cấp 3), giỏi (cả 3 cấp) năm sau thường cao hơn

Chế độ đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty luôn tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề phục vụ cho công việc.

- Đào tạo “Nhận thức chung và tìm hiểu yêu cầu tiêu chuẩn ISO 14001:2015; ISO 9001:2015; ISO 50001:2011”; Đào tạo nội quy lao động, AT-VSLĐ cho 88 lao động mới
- Đào tạo ISO 14000:2015 cho 100% CBCNV trong đơn vị hiểu và nắm rõ được về: Hệ thống quản lý môi trường (HTQLMT) theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống tài liệu sử dụng trong Công ty khi áp dụng HTQLMT; Quy trình xác định và cập nhật khía cạnh môi trường, PR.06; Quy trình quản lý chất thải, PR.13
- Tổ chức đào tạo cho 100% CBCNV trong đơn vị hiểu và nắm rõ được Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn 50001: 2011, hệ thống tài liệu sử dụng trong Công ty khi áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng.
- Tổ chức đào tạo 100% CBCNV về 5S và thực hiện công tác 5S.
- Thực hiện tổ chức các đào tạo khác cho người lao động để đảm bảo thực hiện theo các hệ thống của công ty.
- Trong năm 2017 công ty đã tổ chức được các lớp đào tạo các nội dung sau:

Các lớp đào tạo do Công ty tổ chức trong năm 2017

STT	Nội dung lớp đào tạo	Số lượt người được đào tạo
1	Đào tạo về ATVSLĐ cho nhóm đối tượng 1	29
2	Đào tạo về ATVSLĐ cho nhóm đối tượng 3	1005
3	Đào tạo về ATVSLĐ cho nhóm đối tượng 4	109
4	Đào tạo về ATVSLĐ cho nhóm đối tượng 5	2
	Đào tạo về ATVSLĐ cho nhóm đối tượng 6	85
5	Đào tạo về sơ cứu cho ATVSV	85
6	Huấn luyện về AT Hoá chất	18
7	Đào tạo về áp dụng tiêu chuẩn NISSIN	234
8	Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ HTQLCL IATF 16949:2016	26
9	Đào tạo về phổ biến HTQLCL IATF16949:2016	126
10	Đào tạo về nâng cao quản lý chất lượng sản phẩm	80
11	Đào tạo về thiết bị mới	103



07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

003
ÔNG
Ổ P
TUN
SỐ
G-T

WOLF
TR
KI
CAU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Từ Công	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Khay	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hiền	Ủy viên
Ông Ngô Văn Thái	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2017)
Bà Trần Thị Huyền	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 25/04/2017)
Ông Lê Văn Hùng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiền	Giám đốc
Ông Lê Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thù	Phó Giám đốc
Ông Ngô Quang Bình	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1



Nguyễn Đức Hiền

Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 03 năm 2018



Số: 125-18/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (“gọi tắt là Công ty”) được lập ngày 06/03/2018, từ trang 06 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.703.161.084	268.508.314.208
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.462.670.123	17.310.219.753
1 Tiền	111	V.1.	1.462.670.123	17.310.219.753
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.828.590.989	91.868.539.304
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	82.508.059.907	89.890.506.716
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1.265.315.444	810.962.500
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	759.049.093	752.473.991
4 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6.	296.166.545	414.596.097
IV Hàng tồn kho	140	V.7.	133.977.341.971	154.948.436.110
1 Hàng tồn kho	141		133.977.341.971	154.948.436.110
V Tài sản ngắn hạn khác	150		434.558.001	4.381.119.041
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	289.237.587	4.381.119.041
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		145.320.414	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.778.353.978	91.231.765.446
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		114.713.472.160	89.712.965.446
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	113.461.872.160	88.461.365.446
- Nguyên giá	222		490.250.671.254	427.773.544.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(376.788.799.094)	(339.312.178.705)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	1.251.600.000	1.251.600.000
- Nguyên giá	228		1.251.600.000	1.251.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		128.181.818	-
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	128.181.818	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	958.800.000	958.800.000
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		958.800.000	958.800.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		977.900.000	560.000.000
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	977.900.000	560.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		337.481.515.062	359.740.079.654

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C NỢ PHẢI TRẢ	300		193.325.436.560	206.045.415.132
I Nợ ngắn hạn	310		173.653.436.560	194.045.415.132
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	54.612.990.210	67.536.746.385
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	355.136.980	481.630.880
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	10.437.059.114	9.753.327.546
4 Phải trả người lao động	314		50.467.273.182	54.280.925.072
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	3.446.032.819	3.508.744.647
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	22.831.121.430	44.798.012.868
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.503.822.825	13.686.027.734
II Nợ dài hạn	330		19.672.000.000	12.000.000.000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.	19.672.000.000	12.000.000.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.156.078.502	153.694.664.522
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	144.156.078.502	153.694.664.522
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.798.530.000	70.798.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.798.530.000	70.798.530.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		7.079.853.000	7.079.853.000
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.277.695.502	75.816.281.522
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.115.588.622	22.589.922.840
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		47.162.106.880	53.226.358.682
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		337.481.515.062	359.740.079.654

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thị Minh Thư

Lê Thị Minh Thư

Nguyễn Đức Hiền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	855.376.835.197	810.078.857.669
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	1.336.986.518	1.758.753.771
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		854.039.848.679	808.320.103.898
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	725.087.198.656	677.543.781.383
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		128.952.650.023	130.776.322.515
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	210.254.441	462.291.109
7 Chi phí tài chính	22	VI.6.	2.892.030.131	2.272.389.387
Chi phí lãi vay	23		2.842.320.819	2.170.607.287
8 Chi phí bán hàng	25	VI.9.	14.227.476.285	9.340.421.674
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9.	53.604.175.080	53.150.609.017
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		58.439.222.968	66.475.193.546
11 Thu nhập khác	31	VI.7.	748.170.182	235.461.128
12 Chi phí khác	32	VI.8.	85.000.000	51.374.978
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		663.170.182	184.086.150
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		59.102.393.150	66.659.279.696
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11.	11.940.286.270	13.432.921.014
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		47.162.106.880	53.226.358.682
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12.	3.995,51	4.509,26

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 03 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Người lập



Lê Thị Minh Thư

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thư

Giám đốc



Nguyễn Đức Hiền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		815.517.804.922	722.942.930.187
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(464.580.977.526)	(441.473.931.596)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(176.610.881.699)	(164.958.821.526)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.842.320.819)	(2.249.763.578)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(12.168.426.187)	(12.331.115.002)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.372.262.455	4.440.802.624
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(53.145.752.189)	(51.804.096.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		109.541.708.957	54.566.004.274
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(76.501.059.763)	(30.315.160.192)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		752.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		54.000.333	227.932.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.695.059.430)	(30.087.227.219)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		148.311.860.265	176.403.245.473
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(162.606.751.703)	(165.817.697.623)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.399.265.000)	(35.399.265.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.694.156.438)	(24.813.717.150)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(15.847.506.911)	(334.940.095)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.310.219.753	17.646.924.527
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(42.719)	(1.764.679)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.462.670.123	17.310.219.753

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Người lập



Lê Thị Minh Thư

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thư

Giám đốc



Nguyễn Đức Hiền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Phụ tùng máy số 1 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1703000438 ngày 31/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Công ty đã có 4 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 số 4600358468 ngày 01/07/2015 thì Vốn điều lệ của Công ty là: **70.798.530.000 VND** (Bảy mươi tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty đã được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán là FT1 ngày 18/09/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng máy động lực và máy nông nghiệp;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí, công cụ lao động phục vụ các ngành nông lâm, ngư nghiệp và giao thông vận tải;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, điện máy; Sản xuất phụ tùng;
- Sản xuất phụ tùng, lắp ráp, sửa chữa ô tô, xe máy;
- Lắp ráp và chuyển giao dây truyền công nghệ;
- Xây dựng và lắp đặt hệ thống cung cấp điện dưới 35KV;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng, giao thông, thủy lợi; Trang trí nội thất.

Trụ sở của Công ty đặt tại: Đường 3/2, Tổ 10, Phường Mỏ Chè – TP Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Sông Công. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất lâu dài được Công ty ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo nguyên giá nhưng không trích khấu hao theo quy định tại khoản 1 điều 9 chương III Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí tư vấn và thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án xây dựng sân tennis, sân đá bóng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2017.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán vật tư, doanh thu bán phụ tùng xe máy, doanh thu sản phẩm cơ khí và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ tiền bồi thường hàng hỏng, thanh lý tài sản và một số khoản thu nhập khác, được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Thuế suất thuế GTGT tùy theo từng mặt hàng mà mức thuế suất áp dụng là 0% với các mặt hàng bán cho doanh nghiệp trong khu chế xuất và xuất khẩu, không chịu thuế đối với sản phẩm máy nông nghiệp và 10% đối với các mặt hàng là sản phẩm cơ khí và phụ tùng xe máy.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
Tiền mặt	66.127.387		13.938.811	
Tiền gửi ngân hàng	1.396.542.736		17.296.280.942	
VND	1.390.414.785		15.367.589.873	
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Sông Công	1.377.577.193		7.981.305.958	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan - Thái Nguyên	6.452.451		122.950.955	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thái Nguyên	6.385.141		250.828.107	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ			7.012.504.853	
USD	6.127.951		1.928.691.069	
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Sông Công	6.127.951		1.928.691.069	
Cộng	1.462.670.123		17.310.219.753	
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Honda Việt Nam	31.150.984.789		30.836.450.810	
Công ty TNHH ATSUMITEC Việt Nam	14.867.070.909		13.085.304.979	
Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam	7.016.430.688		9.698.422.945	
Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam	5.987.181.024		5.409.431.148	
Công ty TNHH D.I.D ASIA	3.730.053.091		2.124.889.457	
Các đối tượng khác	19.756.339.406	-	28.736.007.377	-
Cộng	82.508.059.907	-	89.890.506.716	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, P. Mỏ Chè - TP. Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Các khoản đầu tư tài chính
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Công ty CP Cơ khí Vinh	958.800.000	-	958.800.000	958.800.000
				-
				958.800.000

(*) Công ty CP Cơ khí Vinh đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí kim loại. Công ty hoạt động bình thường, không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty CP Cơ khí Vinh có lãi. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng.

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Trả trước cho người bán	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Thiết bị công nghiệp Tiến Đạt	222.750.000	-
Công ty TNHH Vật tư và Dịch vụ tin học	366.600.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Toàn Cầu	122.512.500	-
Cơ sở Sản xuất và Kinh doanh Hương Tràm	-	400.000.000
CN Công ty CP Phần mềm hiệu quả xanh tại Hà Nội	88.140.000	88.140.000
Các đối tượng khác	465.312.944	322.822.500
Cộng	1.265.315.444	810.962.500

5. Phải thu khác	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Dư nợ Phải trả khác	665.549.093	-	576.473.991	-
Bảo hiểm Xã hội	473.996.255	-	400.947.383	-
Bảo hiểm Y tế	78.884.733	-	74.909.927	-
Bảo hiểm Thất nghiệp	52.328.538	-	48.616.681	-
Phải thu thuế TNCN	60.339.567	-	52.000.000	-
Tạm ứng	93.500.000	-	176.000.000	-
Nguyễn Anh Dũng	-	-	80.000.000	-
Trần Đình Thỏa	20.000.000	-	20.000.000	-
Khổng Trọng Tiến	20.000.000	-	20.000.000	-
Hoàng Thị Thanh Huyền	20.000.000	-	20.000.000	-
Các đối tượng khác	33.500.000	-	36.000.000	-
Cộng	759.049.093	-	752.473.991	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

6. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng (chiếc)	Giá trị (VND)	Số lượng (chiếc)	Giá trị (VND)
Trống phanh 42602-KCW-8701-H1	5.580	94.585.947	-	-
(Drum gear shift) 24301-KWW-7410	-	-	3.904	84.452.727
41201-MGS-D700-79	954	72.120.081	23	1.646.201
Nhông tải sau 36 răng 41201-KTL-6400	-	-	800	30.457.008
Nhông tải sau 44T 41200-K56-V010	-	-	300	33.688.060
23801-9	-	-	4.458	24.184.650
12023-CT-70-79	398	16.696.183	-	-
41201-KSP-KN03-QV	-	-	303	14.490.422

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

41201-5VT36F-MT01- OP2-79	324	13.231.263	-	-
12019-CT-70-79	189	10.076.552	-	-
12022-CT-70-79	128	6.017.443	-	-
EH956WW-22	35	5.221.260	-	-
12025-CT-70-79	116	5.021.446	-	-
12017-CT-79	186	7.825.319	17	678.425
41201-12028J-TH01-59	-	-	207	9.823.617
646538-D-49	-	-	725	8.963.153
(Rod connecting)	-	-	424	7.522.648
13201-K40-F002-H1				
Các tài sản khác		65.371.051		198.689.186
Cộng		296.166.545		414.596.097

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	36.005.842.005	-	48.482.317.205	-
Công cụ, dụng cụ	8.033.272.431	-	9.327.756.449	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.026.269.960	-	57.090.233.336	-
Thành phẩm	34.911.957.575	-	40.048.129.120	-
Cộng	133.977.341.971	-	154.948.436.110	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2017	1.251.600.000	1.251.600.000
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2017	1.251.600.000	1.251.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2017	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2017	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	1.251.600.000	1.251.600.000
Tại ngày 31/12/2017	1.251.600.000	1.251.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, P. Mỏ Chè - TP. Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2017	87.401.623.155	326.681.352.639	10.948.897.648	2.741.670.709	427.773.544.151
Mua trong năm	-	59.647.733.639	-	-	59.647.733.639
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.054.521.645	-	-	-	6.054.521.645
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.225.128.181)	-	-	(3.225.128.181)
Số dư ngày 31/12/2017	93.456.144.800	383.103.958.097	10.948.897.648	2.741.670.709	490.250.671.254
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2017	63.244.755.422	263.163.551.913	10.229.658.549	2.674.212.821	339.312.178.705
Khấu hao trong năm	5.632.039.877	34.707.271.721	305.430.300	57.006.672	40.701.748.570
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.225.128.181)	-	-	(3.225.128.181)
Số dư ngày 31/12/2017	68.876.795.299	294.645.695.453	10.535.088.849	2.731.219.493	376.788.799.094
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	24.156.867.733	63.517.800.726	719.239.099	67.457.888	88.461.365.446
Tại ngày 31/12/2017	24.579.349.501	88.458.262.644	413.808.799	10.451.216	113.461.872.160

Nguyên giá của TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng trong năm: 283.429.442.514 VND (ngày 31/12/2016 là 263.860.691.384 VND).

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 52.456.974.649 VND (ngày 31/12/2016 là 13.675.313.114 đồng)

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tài sản dở dang dở dang dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án xây dựng sân tennis, sân bóng đá	128.181.818	-
Cộng	128.181.818	-

11. Chi phí trả trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	289.237.587	4.381.119.041
Chi phí thuê phần mềm	289.237.587	-
Chi phí sửa chữa tài sản	-	4.381.119.041
b) Dài hạn	977.900.000	560.000.000
Chi phí thuê máy	977.900.000	560.000.000
Cộng	1.267.137.587	4.941.119.041

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp	23.001.702.680	23.001.702.680	-	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại vật tư thiết bị công nghiệp	-	-	13.542.770.230	13.542.770.230
Công ty TNHH Đức Nam Ninh	4.010.067.240	4.010.067.240	7.760.691.234	7.760.691.234
Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	2.833.635.354	2.833.635.354	3.072.075.644	3.072.075.644
Công ty CP Vật tư & Thiết bị toàn bộ	4.915.125.000	4.915.125.000	247.068.800	247.068.800
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Hồng Phi	2.860.066.510	2.860.066.510	3.068.793.714	3.068.793.714
Các đối tượng khác	16.992.393.426	16.992.393.426	39.845.346.763	39.845.346.763
Cộng	54.612.990.210	54.612.990.210	67.536.746.385	67.536.746.385

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Juki Việt Nam	204.546.850	325.901.550
Công ty TNHH Phú Gia Nguyễn	84.667.200	84.667.200
Công ty TNHH Sản xuất thương mại mô tô Việt Nhật	60.436.130	60.436.130
Công ty TNHH Phát triển thương mại Việt Nga	-	10.620.000
Công ty TNHH sản xuất - thương mại mô tô San Linh	-	6.000
Công ty TNHH MTV phụ tùng ô tô Sông Công	5.486.800	-
Cộng	355.136.980	481.630.880

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán	47.738.940	21.708.927.579	20.702.672.352	1.053.994.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.732.921.014	11.940.286.270	12.168.426.187	8.504.781.097
Thuế thu nhập cá nhân	972.667.592	2.530.940.184	2.625.323.926	878.283.850
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.132.488.619	2.132.488.619	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	9.753.327.546	38.315.642.652	37.631.911.084	10.437.059.114

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, P. Mô Khê - TP. Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
15. Vay và nợ thuế tài chính							
a) Ngắn hạn	44.798.012.868	44.798.012.868	140.639.860.265	162.606.751.703	22.831.121.430	22.831.121.430	
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>	<i>44.798.012.868</i>	<i>44.798.012.868</i>	<i>140.639.860.265</i>	<i>162.606.751.703</i>	<i>22.831.121.430</i>	<i>22.831.121.430</i>	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Sông Công (1)	10.418.750.434	10.418.750.434	54.249.607.204	60.849.458.748	3.818.898.890	3.818.898.890	
Ngân hàng TMCP Quốc tế- Chi nhánh Thái Nguyên (2)	9.693.658.786	9.693.658.786	-	9.693.658.786	-	-	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (3)	24.685.603.648	24.685.603.648	74.390.253.061	88.063.634.169	11.012.222.540	11.012.222.540	
<i>a2) Vay dài hạn đến hạn phải trả</i>							
TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (4)	-	-	12.000.000.000	4.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	
b) Dài hạn	12.000.000.000	-	19.672.000.000	12.000.000.000	19.672.000.000	19.672.000.000	
<i>Vay dài hạn</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>19.672.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>19.672.000.000</i>	<i>19.672.000.000</i>	
TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (4)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Sông Công (1)	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (6)	-	-	9.672.000.000	-	9.672.000.000	9.672.000.000	
Cộng	56.798.012.868	44.798.012.868	160.311.860.265	174.606.751.703	42.503.121.430	42.503.121.430	

(1) Hợp đồng tín dụng số 300065934/2016-HĐTDHM/NHCT222-PHUTUNG ngày 01/11/2016 với hạn mức 15.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 01/11/2017, mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Hợp đồng tín dụng có 3 lần sửa đổi, bổ sung:

- Lần 1 ngày 28/04/2017: hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng.
 - Lần 2 ngày 01/08/2017: lãi suất cho vay ưu đãi 5,0%/năm đối với khoản nợ có thời hạn đến 3 tháng và 5,2%/năm đối với những khoản nợ có thời hạn trên 3 tháng.
 - Lần 3 ngày 12/10/2017: thời hạn duy trì hạn mức: 01/11/2016 đến hết ngày 04/04/2018.
- Đến ngày 31/12/2017, Công ty còn giấy nhận nợ số 09 ngày 25/12/2017 với giá trị 3.818.898.890 đồng, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(2) Hợp đồng tín dụng số 0042DN.HDTD ngày 01/10/2016, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 11/08/2016, hạn mức 50.000.000.000 đồng bao gồm cả dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0019DN ngày 27/07/2015. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đang nhận nợ với khế ước:

- Khế ước nhận nợ số 0042DN.01.KUNN ngày 28/10/2016 với giá trị 5.534.083.944 đồng, thời hạn vay 4 tháng đến ngày 28/02/2017, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 4,7%/năm, lãi suất được điều chỉnh 2 tuần 1 lần bằng chi phí giá vốn sau điều chỉnh kỳ hạn +Biên độ 0,6%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 0042.02.KUNN ngày 22/11/2016 với giá trị 4.159.574.842 đồng, thời hạn vay 4 tháng đến ngày 22/03/2017, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 4,4%/năm, lãi suất được điều chỉnh 2 tuần 1 lần bằng chi phí giá vốn sau điều chỉnh kỳ hạn + biên độ 0,1%/năm.

(3) Hợp đồng tín dụng số 130000324679 ngày 27/10/2015 với giá trị 22.000.000.000 đồng, thời hạn 1 năm kể từ ngày ký kết, lãi suất là MM rate cộng (+) biên độ tương đương với MM rate 3 tháng cộng (+) 0,2%/năm. Biên độ cho từng khoản rút vốn sẽ được ngân hàng thông báo và áp dụng vào ngày rút vốn. Phụ lục hợp đồng số 004 ngày 27/10/2017, gia hạn hợp đồng đến ngày 27/10/2018. Đến ngày 31/12/2017, Công ty còn khoản vay theo đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ số 17 ngày 18/12/2017 giá trị 11.012.222.540 VND, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 5%/năm.

(4) Hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2015/VEAM-FUTU1 ngày 17/11/2015, với giá trị vay vốn 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng chẵn), thời gian từ tháng 11/2015 đến 30/11/2018, lãi suất 3%/năm. Đến ngày 31/12/2017, thời hạn vay còn 11 tháng.

(5) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2017/HĐCV DAT/NHCT222-FUTU1 ngày 28/04/2017, tổng giá trị cho vay không quá 25.000.000.000 đồng, mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư Mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng nhà kho thương phẩm, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 7,5%/năm chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Giấy nhận nợ số 01TH ngày 10/05/2017 giá trị 10.000.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm.

(6) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TN/2017/CA-0056 ngày 18/08/2017, tổng hạn mức tín dụng 13.442.000.000 đồng, mục đích sử dụng đầu tư máy móc, thời gian 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất là MFC 6 tháng (+) 0,75%/năm. Đến ngày 31/12/2017, Công ty có khoản vay theo đơn rút vốn kiêm khế ước nhận nợ số 01TH ngày 18/08/2017, giá trị 9.672.000.000 VND, lãi suất 6,44%/năm.

16. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.446.032.819	3.508.744.647
Tài sản thừa chờ xử lý	148.957.833	292.857.981
Kinh phí công đoàn	3.189.131.262	3.092.489.761
Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.943.724	123.396.905
Cộng	3.446.032.819	3.508.744.647

b) **Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2016	70.798.530.000	69.866.491.373	140.665.021.373
Lãi trong năm trước	-	53.226.358.682	53.226.358.682
Phân phối các quỹ	-	(11.877.303.533)	(11.877.303.533)
Phân chia cổ tức	-	(35.399.265.000)	(35.399.265.000)
Số dư 01/10/2017	70.798.530.000	75.816.281.522	146.614.811.522
Lãi trong năm nay	-	47.162.106.880	47.162.106.880
Phân phối các quỹ	-	(19.783.081.000)	(19.783.081.000)
Phân chia cổ tức	-	(35.399.265.000)	(35.399.265.000)
Chia thưởng ban điều hành	-	(1.518.346.900)	(1.518.346.900)
Số dư 31/12/2017	70.798.530.000	66.277.695.502	137.076.225.502

b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TCT Máy động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam- CTCP	38.939.190.000	38.939.190.000
Các cổ đông khác	31.859.340.000	31.859.340.000
Cộng	70.798.530.000	70.798.530.000

c) Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	70.798.530.000	70.798.530.000
Vốn góp đầu năm	70.798.530.000	70.798.530.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	70.798.530.000	70.798.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35.399.265.000	35.399.265.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.079.853	7.079.853
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.079.853	7.079.853
- Cổ phiếu phổ thông	7.079.853	7.079.853
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.079.853	7.079.853
- Cổ phiếu phổ thông	7.079.853	7.079.853

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.079.853.000	-	-	7.079.853.000
Cộng	7.079.853.000	-	-	7.079.853.000

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Ngoại tệ các loại		
Tiền USD	270,49	85.001,81

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán vật tư	39.460.788.540	64.285.991.710
Doanh thu bán phụ tùng xe máy	757.947.910.925	692.284.650.651
Doanh thu bán sản phẩm cơ khí	45.730.031.181	41.021.871.218
Doanh thu bán phế liệu	12.238.104.551	12.486.344.090
Cộng	855.376.835.197	810.078.857.669

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	1.336.986.518	1.758.753.771
Cộng	1.336.986.518	1.758.753.771

3. Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu thuần bán vật tư	39.457.692.540	64.285.991.710
Doanh thu thuần bán phụ tùng xe máy	756.614.020.407	690.526.852.330
Doanh thu thuần bán sản phẩm cơ khí	45.730.031.181	41.020.915.768
Doanh thu thuần bán phế liệu	12.238.104.551	12.486.344.090
Cộng	854.039.848.679	808.320.103.898

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn vật tư	33.421.443.007	50.234.740.019
Giá vốn phụ tùng xe máy	659.401.687.697	594.090.314.038
Giá vốn sản phẩm cơ khí	32.264.067.952	33.218.727.326
Cộng	725.087.198.656	677.543.781.383

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	54.000.333	93.982.973
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	133.950.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	156.254.108	222.456.474
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	11.901.662
Cộng	210.254.441	462.291.109

6. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	2.842.320.819	2.170.607.287
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	48.515.106	101.782.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	1.194.206	-
Cộng	2.892.030.131	2.272.389.387

7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý tài sản cố định	664.038.182	-
Thu từ tiền khen thưởng	67.850.000	63.540.000
Thu từ tiền bồi thường làm hỏng hàng	10.582.000	168.141.128
Thu nhập khác	5.700.000	3.780.000
Cộng	748.170.182	235.461.128

8. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phạt chậm nộp trong lĩnh vực thuế	-	51.374.978
Phạt vi phạm hành chính	85.000.000	-
Cộng	85.000.000	51.374.978

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	53.604.175.080	53.150.609.017
Chi phí nhân viên quản lý	34.781.716.943	32.109.747.145
Chi phí vật liệu quản lý	193.194.037	332.325.259
Chi phí đồ dùng văn phòng	861.103.670	1.521.188.752
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.064.993.496	5.587.538.340
Thuế, phí và lệ phí	2.135.488.619	1.568.185.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.270.122	156.725.213
Chi phí bằng tiền khác	8.415.408.193	11.874.898.546

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	14.227.476.285	9.340.421.674
Chi phí nhân viên	5.149.983.199	4.664.306.470
Chi phí vật liệu, bao bì	177.535.221	148.858.675
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	79.260.373	91.203.391
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.430.300	421.890.357
Chi phí bằng tiền khác	8.515.267.192	4.014.162.781
Tổng cộng	67.831.651.365	62.491.030.691
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.219.856.922	395.849.063.279
Chi phí nhân công	197.616.183.456	186.312.610.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.701.748.570	29.591.238.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.131.099.531	29.615.342.620
Chi phí khác bằng tiền	39.921.028.397	35.512.270.416
Cộng	716.589.916.876	676.880.525.062
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	854.998.273.302	809.017.856.135
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:		
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	795.296.841.952	741.853.251.064
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	599.038.200	505.325.375
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59.701.431.350	67.164.605.071
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu	11.940.286.270	13.432.921.014
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.940.286.270	13.432.921.014
12. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.162.106.880	53.226.358.682
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	47.162.106.880	53.226.358.682
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	18.874.487.081	21.301.427.900
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.079.853	7.079.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.995,51	4.509,26

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2017 của Công ty. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 Công ty tạm trích theo tỷ lệ thực tế đã trích của năm 2016.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2016		Năm 2016
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.327.423.757	(101.065.075)	53.226.358.682
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.327.423.757	-	53.226.358.682
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	9.065.662.039	12.235.765.861	21.301.427.900
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình	7.079.853	-	7.079.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.251,79	(1.742,53)	4.509,26

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	148.311.860.265	176.403.245.473

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	162.606.751.703	165.817.697.623

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP	Công ty mẹ, sở hữu 55% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)
Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)
Viện Công nghệ	Công ty con của TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP (Công ty mẹ)



2.1 Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu		
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	8.602.875.000	15.358.220.900
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	2.353.624.750	2.921.709.100
Công ty Cổ phần Cơ Khí Phổ Yên	31.506.300	141.929.700
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	96.701.658	17.697.294
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	4.510.000	54.509.840
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ	49.863.954.900	36.509.040.895
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	2.279.893.200	1.239.530.930
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	12.040.293.000	17.514.051.104
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	-	2.865.995
Viện Công nghệ	341.400.000	978.010.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	-	464.183.500
Công ty Cổ phần Cơ Khí Phổ Yên	-	154.599.500
Chi phí lãi vay		
TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP	321.833.334	578.333.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	-	600.612.100
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	785.235.000	267.860.175
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	-	141.929.700
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	214.137.748	109.981.324
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	-	20.409.840
Các khoản phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị toàn bộ	4.915.125.000	247.068.800
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	1.139.780.950	-
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	613.800.000	-
Viện Công nghệ	100.100.000	770.000.000
Các khoản vay		
TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP	8.000.000.000	12.000.000.000

2.2 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017
	VND
Thu nhập của Ban điều hành	4.546.880.858
Thu nhập của Hội đồng quản trị	1.104.002.800
Thu nhập của Ban kiểm soát	678.682.500
Cộng	6.329.566.158

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Số liệu của kỳ báo cáo trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Công ty thực hiện điều chỉnh khoản truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Biên bản kiểm toán nhà nước số 112/TB-KV1 ngày 2/2/2018.

3.1 Số liệu trước điều chỉnh hồi tố và sau điều chỉnh hồi tố:

a.1) Bảng cân đối kế toán:

Bảng cân đối kế toán	31/12/2016		
	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Tài sản ngắn hạn			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	97.031.926.851	(7.141.420.135)	89.890.506.716
Nợ ngắn hạn			
Phải trả người bán ngắn hạn	74.678.166.520	(7.141.420.135)	67.536.746.385
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.652.262.471	101.065.075	9.753.327.546



Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	75.917.346.597	(101.065.075)	75.816.281.522
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	22.589.922.840	-	22.589.922.840
- LNST chưa phân phối năm nay	53.327.423.757	(101.065.075)	53.226.358.682

31/12/2017

Bảng cân đối kế toán	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Nợ ngắn hạn			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.335.994.039	101.065.075	10.437.059.114
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	66.378.760.577	(101.065.075)	66.277.695.502
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	19.216.653.697	(101.065.075)	19.115.588.622
- LNST chưa phân phối năm nay	47.162.106.880	-	47.162.106.880

CTCP NGUYỄN

a.2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2016		
	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.331.855.939	101.065.075	13.432.921.014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.327.423.757	(101.065.075)	53.226.358.682

3.2 Các thuyết minh về số liệu điều chỉnh hồi tố

Ảnh hưởng của các số liệu được điều chỉnh hồi tố như sau:

Các thuyết minh về số liệu liên quan đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016:

- Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" giảm 7.141.420.135 đồng tương ứng giảm chỉ tiêu "Phải trả người bán ngắn hạn".
- Chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tăng 101.065.075 đồng tương ứng tăng chi phí thuế TNDN hiện hành.
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" giảm 101.065.075 đồng tương ứng tăng khoản TNDN hiện hành phải nộp.

Các thuyết minh về số liệu liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016:

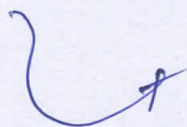
- Chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" tăng 101.065.075 đồng tương ứng tăng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm 101.065.075 đồng tương ứng tăng Chi phí thuế TNDN hiện hành.

NHẬN

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thư

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thư

Giám đốc

 Nguyễn Đức Hiền

Ngày 09 tháng 04 năm 2018

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1

Số điện thoại: 0208 386 2396

Số fax: 0208 3862316

Website: <http://futu1.com.vn>

Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên